

PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101032167

Đăng ký lần đầu: ngày 07 tháng 03 năm 2000

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 30 tháng 03 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H.P.T INVESTMENT
DEVELOPMENT OF NEW MATERIAL AND HIGHT TECHNOLOGY
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H.P.T CO ., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô C3.1-C3.2 Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Xã Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.39347606

Fax: 024.39348477

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

180.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VIỆT CƯỜNG	Việt Nam	CH B3008 Golden Palace, TDP số 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Tư Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	162.000.000.00 0	90,000	001081024454	

2	TRẦN THỊ OANH	Việt Nam	Nhà số 6, ngõ 93, đường Nguyễn Viết Xuân, khối Đông Lâm, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	9.000.000.000	5,000	186013421
3	ĐÀO VIỆT LINH	Việt Nam	Số nhà 59 phố Bùi Thị Xuân, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.000.000.000	5,000	001074000683

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **TRẦN VIỆT CUỒNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/09/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001081024454*

Ngày cấp: *05/02/2020*

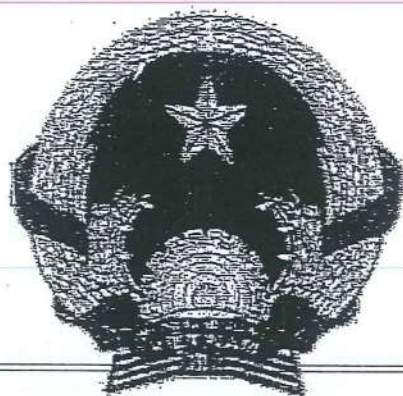
Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *TDP Số 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *CH B3008 Golden Palace, TDP số 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền



BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

QUYẾT ĐỊNH

Số: 04 / 2002 / QĐ - CNC

Về việc chấp thuận Dự án đầu tư "Xây dựng Tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc" của Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT)

Hà Nội, tháng 2 năm 2002

BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Hà Nội, ngày 6 tháng 2 năm 2002

Số: 04/2002/QĐ - CNC

QUYẾT ĐỊNH CỦA TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Về việc chấp thuận Dự án đầu tư "Xây dựng Tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới
và chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc"
của Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT).

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

- Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, sửa đổi số 03/1998/QH-TQ ban hành ngày 20 tháng 5 năm 1998;
- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng định và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng;
- Căn cứ Đơn xin đầu tư và hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và chuyển giao công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT);
- Xét đề nghị của các ông: Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT), Giám đốc Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Phó trưởng Phòng Tham mưu và Pháp chế, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận Dự án đầu tư "Xây dựng Tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và chuyển giao công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc" với quy mô và hình thức đầu tư như sau:

1. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT)
Địa chỉ: Số 4 Vọng Đức - Hoàn Kiếm - Hà Nội
2. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới
3. Tổng mức đầu tư: 28.386.453.000 đồng
4. Địa điểm xây dựng: Khu Công nghiệp Công nghệ cao

5. Quy mô công trình bao gồm:

- Nhà điều hành;
- Trung tâm nghiên cứu công nghệ vật liệu mới;
- Nhà máy điều chế hoá chất HPT - 2001;
- Nhà máy lắp ráp dây chuyền sản xuất bê tông nhẹ cốt liệu khí;
- Nhà máy sản xuất bê tông nhẹ cốt liệu khí và chế tạo các sản phẩm tiên chế;
- Các công trình phụ trợ.

6. Lĩnh vực hoạt động:

- Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, quản lý và chuyển giao công nghệ;
- Nghiên cứu sản xuất các vật liệu xây dựng mới công nghệ cao;
- Sản xuất hợp chất HPT - 2001;
- Sản xuất bê tông nhẹ cốt liệu khí.

Điều 2: Chủ đầu tư được thuê lại diện tích đất 2,32 ha thuộc các lô C3.1 và C3.2 tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để thực hiện Dự án theo thỏa thuận với Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Thủ tục cho thuê lại đất được thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3: Chủ đầu tư được hưởng các chế độ ưu đãi áp dụng theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) và các ưu đãi khác đối với Nhà đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Điều 4: Chủ đầu tư triển khai, thực hiện đúng mục đích, tiến độ của Dự án. Quá trình thực hiện Dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: Các ông, Giám đốc Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT), Trưởng các phòng, ban có liên quan của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 6: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nếu sau thời hạn 6 tháng, chủ đầu tư không triển khai Dự án theo đúng tiến độ thì Quyết định này mặc nhiên không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lưu CNC.

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC



Chu Hào

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC



QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chấp thuận đầu tư

SỐ: ...147/2005/QĐ-CNCHL

NGÀY CẤP: ...12 - 12 - 2005

**BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2005

Số: 147/2005/QĐ-CNCHL

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Quyết định chấp thuận
Dự án đầu tư “Xây dựng tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới
và chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc”**

**TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**



- Căn cứ Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;
- Căn cứ Quyết định 10/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;
- Căn cứ Quyết định số 04/2002/QĐ-CNC ngày 6 tháng 2 năm 2002 của Trưởng ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc chấp thuận Dự án đầu tư “Xây dựng tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc”;
 - Xét đề nghị của Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT) tại Công văn số 649 ngày 9 tháng 12 năm 2005 xin điều chỉnh Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

Thay đổi nội dung Khoản 3 và 5 - Điều 1 Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 6 tháng 2 năm 2002 như sau:

3. Tổng mức đầu tư: 67.497.270.000 đồng

5. Quy mô công trình bao gồm:

- Nhà điều hành;
- Trung tâm nghiên cứu công nghệ vật liệu mới;
- Xưởng điều chế hóa chất HPT-2001;
- Xưởng ráp lắp dây chuyền sản xuất bê tông nhẹ cốt liệu khí;
- Xưởng sản xuất thử nghiệm bê tông nhẹ cốt liệu khí.

Điều 2

Thay đổi nội dung Điều 2- Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC như sau:

Chủ đầu tư được thuê lại diện tích đất khoảng 2.5ha tại Khu Công nghiệp Công nghệ cao - Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để thực hiện Dự án, theo Hợp đồng ký kết với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng VINACONEX.

Thủ tục cho thuê lại đất được thực hiện theo các quy định pháp luật đất đai hiện hành.

Điều 3

Thay đổi nội dung Điều 5- Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC như sau:

Các Ông (Bà): Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng VINACONEX; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT); Trưởng các Phòng, Ban có liên quan của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4

Mọi điều khoản khác của Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 6 tháng 2 năm 2002 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 5

Quyết định điều chỉnh này là bộ phận không thể tách rời của Quyết định chấp thuận đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 6 tháng 2 năm 2002 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký, nếu chủ đầu tư không triển khai Dự án thì Quyết định này mặc nhiên không còn hiệu lực. *Đbny*

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT.

PHỤ TRÁCH BAN



Nguyễn Như Vinh

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ



SỐ 3064010417
NGÀY CẤP 18/4/2022

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3064010417

Chứng nhận lần đầu: Ngày 18 tháng 4 năm 2022

(Cấp đổi từ Quyết định điều chỉnh Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 147/2005/QĐ-CNCHL ngày 12/12/2005)

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế cùng các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-CNCHL ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng điều chỉnh tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-CNCHL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06/02/2002, Quyết định điều chỉnh Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 147/2005/QĐ-CNCHL do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 12/12/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 365180 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.T ngày 09/11/2020;

Xét Văn bản và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư nộp lần đầu ngày 14/7/2020; Văn bản giải trình cùng hồ sơ hoàn thiện do Công ty TNHH Đầu tư phát triển Vật liệu mới và Công nghệ cao H.P.T nộp ngày 19/11/2021,

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: “Dự án xây dựng tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc”; Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06/02/2002 và Quyết định điều chỉnh Quyết Dự án đầu tư số 147/2005/QĐ-CNCHL do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 12/12/2005; được đăng ký điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư, tên Dự án, mục tiêu Dự án, vốn đầu tư, quy mô Dự án, thời hạn thực hiện Dự án và tiến độ thực hiện Dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư phát triển Vật liệu mới và Công nghệ cao H.P.T

Mã số doanh nghiệp: 0101032167 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/3/2000, thay đổi lần thứ 17 ngày 18/11/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C3.1 - C3.2, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024-39347606

Email: hpt@avyinterior.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Lương Quỳnh Anh

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 25/11/1987

Căn cước công dân : 031187002075; ngày cấp: 04/5/2016; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ thường trú: B3008 Golden Palace, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: B3008 Golden Palace, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Nhà đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý và vận hành dự án.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

2. Mục tiêu dự án: Nghiên cứu, sản xuất thiết bị nội thất tự động thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh; Nghiên cứu, sản xuất các loại vật liệu mới, công nghệ cao.

3. Quy mô dự án:

3.1. Quy mô sản xuất: 12.000 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 820 tấn sản phẩm/năm)

3.2. Quy mô xây dựng: khoảng 25.100 m² sàn xây dựng, bao gồm các hạng mục công trình:

- Nhà điều hành
- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 1 (Nhà xưởng số 1)
- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 2 (Nhà xưởng số 2) và hành lang có mái che
- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 3 (Nhà xưởng số 3)
- Trung tâm nghiên cứu Công nghệ cao
- Các công trình phụ trợ.

4. Địa điểm thực hiện Dự án: Lô CN1-02A.6 (thuộc lô số CN1-02.1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 365180), Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 24.118,6 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 243.223.123.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó:

+ Vốn tự có: 143.223.123.000 đồng (Chiếm khoảng 59 % tổng vốn đầu tư)

+ Vốn huy động: 100.000.000.000 đồng (chiếm khoảng 41% tổng vốn đầu tư)

7. Thời hạn thực hiện dự án: đến ngày 13/9/2055 (đến thời điểm hết thời hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 365180 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.T ngày 09/11/2020)

8. Tiến độ thực hiện dự án

* Giai đoạn 1: Từ năm 2005 đến tháng 12 năm 2007

Triển khai các hạng mục: San nền toàn bộ mặt bằng; Xưởng điều chế hóa chất HPT-2001; Xưởng lắp ráp dây chuyền sản xuất bê tông cốt liệu khí; Xưởng sản xuất thử nghiệm bê tông cốt liệu khí; Hạ tầng kỹ thuật.

(Giai đoạn 1 đã hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động)

* Giai đoạn 2: Quý II/2022 đến Quý IV/2024

- Quý II/2022 - Quý I/2023: Xây dựng Nhà điều hành *(cải tạo từ Xưởng điều chế hóa chất HPT-2001)*; Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 1 - Nhà xưởng số 1 *(cải tạo từ Xưởng lắp ráp dây chuyền sản xuất bê tông cốt liệu khí)*; Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 2 - Nhà xưởng số 2 và hành lang có mái che *(cải tạo từ Xưởng sản xuất thử nghiệm bê tông cốt liệu khí)*; Cải tạo, sửa chữa các công trình phụ trợ.

- Quý I/2023 - Quý IV/2023: Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 3 - Nhà xưởng số 3.

- Quý IV/2023 - Quý IV/2024: Xây dựng Trung tâm nghiên cứu Công nghệ cao.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật, thời gian được hưởng ưu đãi được tính từ thời điểm cấp Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 06/02/2002.

Nhà đầu tư chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 3. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án đầu tư

Nhà đầu tư và tổ chức kinh tế thực hiện dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện dự án đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ quy định tại Mục 2, Mục 3 và Mục 8 Điều 1 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và các quy định của pháp luật có liên quan đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh của dự án.

- Đáp ứng các điều kiện đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định trong suốt quá trình hoạt động.

- Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả.

- Trả tiền sử dụng hạ tầng và đối với các công trình do Nhà nước đầu tư, tiền xử lý nước thải và các chi phí khác có liên quan theo quy định.

- Khi thực hiện thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phải cung cấp và chứng minh với cơ quan xét duyệt ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bằng các tài liệu, thông tin,... đáp ứng điều kiện để hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường và các quy định khác có liên quan và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa và ứng phó sự cố... Trong quá trình xây dựng và vận hành dự án, nếu có ý đề xảy ra sự cố nghiêm trọng về môi trường và phòng cháy chữa cháy, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc sẽ thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt hoạt động của dự án.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của Điều 71 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

- Tuân thủ và đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của hồ sơ cũng như các tài liệu về tư cách pháp lý và năng lực Nhà đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư tự thanh lý dự án theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động. Việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế: (1) Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 06/02/2002 và (2) Quyết định điều chỉnh Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 147/2005/QĐ-CNCHL ngày 12/12/2005 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Tổng Công ty Vinaconex;
- Ban Quản lý Khu CNC Hòa Lạc:
 - + Trưởng ban (để b/c);
 - + PTB Nguyễn Trọng Trường;
 - + Ban QHXDMT, Ban KHCN;
 - + Lưu: VT, HTĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Đức Trung

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3064010417

Chứng nhận lần đầu: Ngày 18 tháng 4 năm 2022

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 28 tháng 01 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế cùng các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ chế chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu Công nghệ cao Hòa Lạc đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-CNCHL ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng điều chỉnh tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-CNCHL ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Hòa Lạc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3064010417 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 18/4/2022 (cấp đổi từ Quyết định điều chỉnh Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 147/2005/QĐ-CNCHL ngày 12/12/2005) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 365180 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.T ngày 09/11/2020;

Xét Văn bản và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư do Công ty TNHH Đầu tư phát triển Vật liệu mới và Công nghệ cao H.P.T nộp ngày 21/11/2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: “Dự án xây dựng tổ hợp phát triển sản xuất vật liệu mới và

chuyển giao công nghệ cao tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc”; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3064010417 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 18/4/2022; được đăng ký điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư và tiến độ thực hiện Dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư phát triển Vật liệu mới và Công nghệ cao H.P.T

Mã số doanh nghiệp: 0101032167 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/3/2000, thay đổi lần thứ 18 ngày 30/3/2023.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C3.1-C3.2, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024-39347606

Email: hpt@avyinterior.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: Trần Việt Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 10/9/1981

Căn cước công dân số 001081024454 cấp ngày 22/9/2022 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Golden Palace, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Golden Palace, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Nhà đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý và vận hành dự án.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

2. Mục tiêu dự án: Nghiên cứu, sản xuất thiết bị nội thất tự động thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh; Nghiên cứu, sản xuất các loại vật liệu mới, công nghệ cao.

3. Quy mô dự án:

3.1. Quy mô sản xuất: 12.000 sản phẩm/năm (tương đương khoảng 820 tấn sản phẩm/năm)

3.2. Quy mô xây dựng: khoảng 25.100 m² sàn xây dựng, bao gồm các hạng mục công trình:

- Nhà điều hành;

- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 1 (Nhà xưởng số 1);
- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 2 (Nhà xưởng số 2) và hành lang có mái che;
- Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 3 (Nhà xưởng số 3);
- Trung tâm nghiên cứu Công nghệ cao;
- Các công trình phụ trợ.

4. Địa điểm thực hiện Dự án: Lô CN1-02A.6 (thuộc lô số CN1-02.1, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 365180), Khu Công nghiệp Công nghệ cao 1, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 24.618,6 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 243.223.123.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó:

- Vốn tự có: 143.223.123.000 đồng (chiếm khoảng 59% tổng vốn đầu tư)
- Vốn huy động: 100.000.000.000 đồng (chiếm khoảng 41% tổng vốn đầu tư)

7. Thời hạn thực hiện dự án: đến ngày 13/9/2055 (đến thời điểm hết thời hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 365180 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.T ngày 09/11/2020).

8. Tiến độ thực hiện dự án

* Giai đoạn 1: Từ năm 2005 - tháng 12 năm 2007

Triển khai các hạng mục: San nền toàn bộ mặt bằng; Xưởng điều chế hóa chất HPT-2001; Xưởng lắp ráp dây chuyền sản xuất bê tông cốt liệu khí; Xưởng sản xuất thử nghiệm bê tông cốt liệu khí; Hạ tầng kỹ thuật.

* Giai đoạn 2: Quý II/2025 - Quý I/2027

- Quý II/2025 - Quý IV/2025: Xây dựng Nhà điều hành (cải tạo từ Xưởng điều chế hóa chất HPT-2001); Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 1 - Nhà xưởng số 1 (cải tạo từ Xưởng lắp ráp dây chuyền sản xuất bê tông cốt liệu khí); Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 2 - Nhà xưởng số 2 và hành lang có mái che (cải tạo từ Xưởng sản xuất thử nghiệm bê tông cốt liệu khí); Cải tạo, sửa chữa các công trình phụ trợ.

- Quý I/2026 - Quý IV/2026: Xây dựng Xưởng sản xuất thiết bị nội thất thuộc hệ thống thiết bị ngôi nhà thông minh số 3 - Nhà xưởng số 3; Xây dựng Trung tâm nghiên cứu Công nghệ cao.

- Quý I/2027: Đưa toàn bộ Dự án vào khai thác, vận hành

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Nhà đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật, thời gian được hưởng ưu đãi được tính từ thời điểm cấp Quyết định chấp thuận Dự án đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC ngày 06/02/2002.

Nhà đầu tư chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Thực hiện dự án đúng mục tiêu, quy mô và tiến độ quy định tại Mục 2, Mục 3 và Mục 8 Điều 1 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này và các quy định của pháp luật có liên quan đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh của dự án.

- Đáp ứng các điều kiện đối với dự án ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định trong suốt quá trình hoạt động.

- Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả.

- Trả tiền sử dụng hạ tầng và đối với các công trình do Nhà nước đầu tư, tiền xử lý nước thải và các chi phí khác có liên quan theo quy định.

- Khi thực hiện thủ tục ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phải cung cấp và chứng minh với cơ quan xét duyệt ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bằng các tài liệu, thông tin,... đáp ứng điều kiện để hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

- Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy chữa cháy, lao động, thuế và các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký; chấp hành sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án, nếu có ý để xảy ra sự cố nghiêm trọng về môi trường, lao động và cháy nổ, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội sẽ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt hoạt động của Dự án.

- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư 2020 và cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư 2020; Thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tuân thủ và đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực của hồ sơ cũng như các tài liệu về tư cách pháp lý và năng lực Nhà đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội quyết định thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư. Nhà đầu tư tự thanh lý dự án theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động. Việc xử lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3064010417 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 18/4/2022.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Trưởng ban (để b/c);
- Phòng XDMT, KHCN (để p/h);
- Tổng Công ty Vinaconex;
- Lưu: VT, HTĐT. *W*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thanh Sơn

NGHỆ TH



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.T
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên
trở lên mã số doanh nghiệp 0101032167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/03/2017.
Địa chỉ trụ sở: Lô C3.1-C3.2. Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch
Thất, thành phố Hà Nội.

CY 365180

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



01100920000478

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: , tờ bản đồ số:
b) Địa chỉ: Thuộc lô số CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1- Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
c) Diện tích: 24618,6m², (bằng chữ: hai mươi bốn nghìn sáu trăm mười tám phẩy sáu mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 13/9/2055
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Cơ sở sản xuất, kinh doanh

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà sản xuất hóa chất	-/-	648,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-
Nhà máy sản xuất bê tông	-/-	3654,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-
Nhà thương mại + nhà vệ sinh	-/-	69,8	Sở hữu riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Số tờ, số thửa và sơ đồ sẽ được điều chỉnh khi có bản đồ địa chính chính quy.
- Giấy chứng nhận này được cấp lại từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395961 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (trước đây) cấp ngày 29/3/2007.
- Diện tích cấp Giấy chứng nhận là một phần diện tích tại thửa đất tại Giấy chứng nhận số CV 258062 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 23/9/2020; Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc số 06/HĐTD/TL ngày 15/9/2006; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh, bổ sung ký ngày 27/5/2015 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số 03/2020/PLHD/VCG-HPT ngày 13/8/2020 giữa Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao H.P.

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TUO. CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

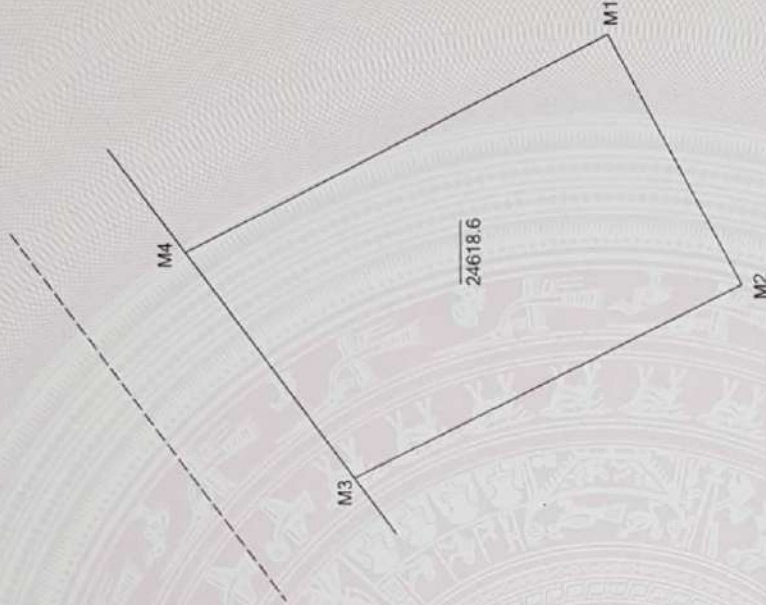


Số vào sổ cấp GCN: CT 10939

Lê Thanh Nam

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Theo hồ sơ mốc giới giao đất ngày 17/8/2020 của
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC**

Số: 06.../HĐTD/TL

- Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;
- Căn cứ Nghị định số 181/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật Đất đai số 13/2003/QH11;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định 198/1998/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 1998 về việc thành lập Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Dự án đầu tư bước 1, giai đoạn I Khu công nghệ cao Hòa Lạc;
- Căn cứ Quyết định 1991/QĐ-BKHCNMT ngày 19 tháng 10 năm 2000 về việc phê duyệt dự án quy hoạch chi tiết và chia lô bước 1, giai đoạn I Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc;
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 14/HĐTD ngày 28/9/2005 giữa Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Vinaconex;
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 15B/HĐTD/TL ngày 15/2/2006 giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Vinaconex và Công ty TNHH đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT);
- Căn cứ Biên bản thanh lý Hợp đồng thuê lại đất ngày 13 tháng 9 năm 2006 giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Vinaconex và Công ty TNHH đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT);
- Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-CNCHL ngày 13/9/2006 của Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc về việc cho Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thuê đất xây dựng Khu công nghiệp công nghệ cao;
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 16/HĐTD ngày 14 tháng 9 năm 2006 giữa Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa lạc và Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam;
- Căn cứ Giấy ủy quyền số 103 VC/UQ-TGD ngày 15/5/2006 của Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam.

Hôm nay ngày 15 tháng 9 năm 2006, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án đầu tư Hòa Lạc – VINACONEX, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HÒA LẠC- VINACONEX

- Địa chỉ : Tòa nhà Vinaconex - Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, Hà Nội.
- Điện thoại : 04.2249262
- Fax : 04.2249261
- Số tài khoản : 1200208003333 tại Sở giao dịch ngân hàng NN&PT NT Việt Nam

- Mã số thuế : 0100105616-1
- Đại diện pháp lý : Ông Nguyễn Văn Dân
- Chức vụ : Giám đốc Ban

BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO (HPT)

- Giấy phép đầu tư số : 04/2002/QĐ-CNC do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06/02/2002 và được điều chỉnh ngày 12/12/2005
- Địa chỉ : Khu CN công nghệ cao - Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Thạch Thất - Hà Tây
- Người đại diện : Ông Hoàng Phúc Thắng
- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT-Tổng giám đốc

Hai bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Bản Hợp đồng thuê lại đất tại Khu công nghiệp công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hòa Lạc để thực hiện dự án đầu tư theo giấy phép đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06/02/2002 và được điều chỉnh ngày 12/12/2005 (sau đây gọi là “Hợp đồng”) gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: THỬA ĐẤT CHO THUÊ LẠI

- Diện tích đất cho thuê lại: 25.000 m²
- Lô đất số:
- Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao -Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Vị trí và diện tích thửa đất cho thuê lại (sau đây gọi là “Khu đất thuê”) được xác định tạm thời theo Bản đồ cắm mốc do Bên A cấp.

Vị trí và diện tích khu đất thuê chính thức theo Trích đo bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất Hà Tây lập và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng và được bên A chuyển giao cho bên B cùng với Giấy chứng nhận đăng ký Quyền sử dụng đất.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG

Thời hạn Bên A được phép cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc là 49 (Bốn mươi chín) năm, tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2006 đến ngày 13 tháng 9 năm 2055.

Thời hạn Bên B được thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Công nghệ cao Hòa Lạc (sau đây gọi là “thời hạn thuê”) tính từ tính từ ngày 13 tháng 9 năm 2006 đến ngày 13 tháng 9 năm 2055.

Tại thời điểm hết hạn Hợp đồng này, hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn thời gian thuê bằng việc ký kết một phụ lục Hợp đồng, phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và phù hợp với thời hạn hoạt động của Bên B căn cứ trên Giấy phép đầu tư. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp gia hạn nào, thời gian gia hạn của Hợp đồng này sẽ được các Bên thỏa thuận trên cơ sở thời hạn thuê đất mới của Bên A được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương cho phép.

ĐIỀU 3: GIÁ CHO THUÊ LẠI ĐẤT, PHÍ QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN

3.1. Giá cho thuê lại đất:

Giá cho thuê lại đất bao gồm Tiền thuê mặt bằng, Tiền thuê đất thô và Phí quản lý.

3.1.1. Tiền thuê mặt bằng đã có hạ tầng kỹ thuật:

3.1.1.1. Tiền thuê mặt bằng được sử dụng cho các nội dung xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông.

3.1.1.2. Tiền thuê mặt bằng là: 0,27USD/m²/năm

Giá trị: 25.000m² x 0,27USD/m²/năm x 49 năm = 330.750 USD

Thuế VAT 10%: 33.075 USD

Tổng cộng giá trị tiền thuê đất: 363.825 USD

(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm Đôla Mỹ)

3.1.1.3. Phương thức thanh toán:

- Theo Hợp đồng số 15B/HĐTĐ/TL ngày 15/2/2006 và Biên bản thanh lý Hợp đồng 15B/HĐTĐ/TL ký giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Vinaconex và Công ty TNHH đầu tư phát triển vật liệu mới và công nghệ cao (HPT), Bên B đã thanh toán 32.484,38 USD.

- Bên B còn phải thanh toán cho Bên A số tiền thuê mặt bằng còn lại, cụ thể như sau:

- Số tiền phải trả (Chưa bao gồm tiền thuê đất thô):

363.825 USD - 32.484,38 USD = 331.340,62 USD

(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm bốn mươi phẩy sáu hai đôla Mỹ)

- Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi bên B nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bên B sẽ thanh toán nốt số tiền trên.

3.1.2. Tiền thuê đất thô

3.1.2.1. Tiền thuê đất thô

Tiền thuê đất thô được tính từ ngày 15/2/2006.

3.1.2.2. Phương thức thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán tiền thuê đất thô hàng năm trực tiếp cho Bên A theo khung giá thuê đất hàng năm được ban hành bởi UBND tỉnh Hà Tây.

Thời hạn thanh toán: trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Thông báo yêu cầu thanh toán của Bên A.

3.2. Phí quản lý:

3.2.1. Phí quản lý được sử dụng cho công tác quản lý, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, hệ thống chiếu sáng đường giao thông và vệ sinh khu công nghiệp.

3.2.2. Mức phí quản lý:

- Mức phí quản lý là: 0,2015USD/m²/năm (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)
- Giá trị thanh toán cho 1 năm: 0,2015USD/ m²/năm x 25.000 m² x 1 năm = 5.037,5USD
- Phí quản lý được tính từ ngày 15/2/2006.
- Phí quản lý trên cơ sở mặt bằng giá hiện tại, khi mặt bằng giá thị trường có sự thay đổi vượt quá 5%, các bên tiến hành thỏa thuận để có sự điều chỉnh thích hợp.

3.2.3. Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán tiền phí quản lý bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, làm 1 lần theo Giấy báo thanh toán của Bên A.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán hàng năm, chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm.

3.3. Đồng tiền thanh toán:

Bên B thanh toán các loại phí nêu tại điều 3.1, 3.2 của Hợp đồng cho Bên A bằng Đôla Mỹ hoặc tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Bên A phải gửi cho bên B hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước Việt Nam ngay sau khi bên B thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên A.

3.4. Thanh toán:

Tiền thuê lại đất có hạ tầng, phí quản lý được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên A tại Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Số tài khoản VNĐ: 1200208003333

Đơn vị hưởng: Ban quản lý các dự án đầu tư Hòa Lạc – VINACONEX

ĐIỀU 4: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- 4.1. Bên B cam kết thực hiện theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam tại Khu công nghiệp Công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải bên trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt.

- 4.2. Nước thải từ nhà máy của bên B ra Khu công nghiệp phải đạt giới hạn cho phép tại cột B của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp TCVN 5945:1995 và tiêu chuẩn TCVN 6984: 2001 ứng với $Q < 50 \text{ m}^3/\text{s}$ theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

- 4.3. Hệ thống xử lý nước thải chung cho Khu công nghiệp Công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hòa Lạc do bên A xây dựng theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam đảm bảo cung cấp kịp thời cho nhu cầu sử dụng của bên B.

- 4.4. Trong trường hợp Bên B không muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp mà muốn tự mình xử lý nước thải thì:

- Phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý môi trường Tỉnh Hà Tây.
- Phải tự chịu trách nhiệm và đảm bảo nước thải sau khi tự xử lý sẽ đạt giới hạn cho phép tại cột B của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp TCVN 5945: 1995 và tiêu chuẩn TCVN 6984: 2001 ứng với $Q < 50 \text{ m}^3/\text{s}$ theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
- Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường Tỉnh Hà Tây.

- 4.5. Trong trường hợp Bên B muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp thì:

- Phải thông báo cho Bên A bằng văn bản.
- Phải cam kết, bằng phí tổn của mình, sẽ xử lý nước thải trong phần đất thuê đạt tiêu chuẩn theo Bảng tiêu chuẩn đính kèm trước khi chảy vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp Công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

- Khối lượng nước thải tính phí được tính bằng 80 % khối lượng nước cấp.
- Mức phí xử lý nước thải của bên B do bên B trả cho Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

ĐIỀU 5: QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- 5.1. Bên B có quyền tổ chức sản xuất kinh doanh trên Khu đất thuê theo đúng nội dung của Giấy phép đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06 tháng 02 năm 2002 và được điều chỉnh ngày 12/12/2005 của Bên B.
- 5.2. Bên B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng qui định của Nhà nước.
- 5.3. Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay vật kiến trúc được xây cất hay tạo ra trên Khu đất thuê là tài sản của Bên B. Bên B được thực hiện đầy đủ các quyền đối với Khu đất thuê và tài sản gắn liền với Khu đất thuê theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI KHU ĐẤT CHO THUÊ

- 6.1. Bên A cam kết dành cho Bên B trọn các quyền đối với Khu đất thuê để thực hiện dự án theo đúng nội dung Giấy phép đầu tư Giấy phép đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06 tháng 02 năm 2002 và được điều chỉnh ngày 12/12/2005 của Bên B và các quyền này không bị tước đoạt dưới bất cứ hình thức nào.
- 6.2. Bên A sẽ thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết theo đúng qui định của Nhà nước để Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chi phí liên quan đến việc thực hiện thủ tục xin cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho khu đất cho thuê do bên A chịu.
- 6.3. Bên A tôn trọng quyền sở hữu về tài sản của Bên B xây dựng trên Khu đất thuê theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- 6.4. Các dịch vụ thông tin như: điện thoại, Internet do Bên A chịu trách nhiệm cung cấp đến sát hàng rào Khu đất thuê. Tiền lắp đặt và cước phí sử dụng dịch vụ thông tin Bên B trả cho Bưu điện Hà Tây theo quy định của Tổng công ty Bưu chính viễn thông.
- 6.5. Hệ thống đường dây điện 22KV bên A cấp cho bên B tới sát chân hàng rào của Khu đất thuê để cấp điện cho trạm biến áp của Bên B do bên A chịu trách nhiệm thực hiện. Bên B chịu toàn bộ chi phí về máy biến thế, hệ thống đường dây nội từ mạch 22 KV và chi phí lắp đặt từ chân hàng rào nhà máy vào nhà máy. Bên B sẽ phải ký hợp đồng sử dụng điện với Công ty Điện lực và trả mọi khoản phí tổn do sử dụng điện cho Công ty Điện lực. Việc quản lý lưới điện và cung cấp điện năng do Công ty Điện lực thực hiện.
- 6.6. Bên A chịu trách nhiệm xây dựng đường ống cấp nước với đường kính đảm bảo công suất khoảng 100m³/tháng để cấp nước cho nhà máy của Bên B. Chi phí về đồng hồ nước, đường ống nối từ đường phân phối đến đồng hồ nước tại chân tường rào nhà máy của Bên B do Bên A chịu. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A.
- 6.7. Bên A có trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Công nghệ cao Khu công nghệ cao Hòa Lạc (Riêng việc bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng hệ thống cấp điện và hệ thống thông tin do cơ quan quản lý chuyên ngành chịu trách nhiệm) trong suốt thời gian cho thuê lại đất nêu tại Điều 2.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH THUÊ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

- 7.1. Bên B sẽ sử dụng đất vào mục đích như quy định tại Giấy phép đầu tư Giấy phép đầu tư số 04/2002/QĐ-CNC do Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cấp ngày 06 tháng 02 năm 2002 và được điều chỉnh ngày 12/12/2005 và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Bản Hợp đồng này. Trường hợp Bên B được cơ quan Nhà nước

có thẩm quyền cho phép thay đổi mục đích sử dụng đất thì hai bên sẽ thảo luận để sửa đổi Hợp đồng hay ký kết lại Hợp đồng mới.

- 7.2. Bên B cam kết sử dụng đất trong phạm vi ranh giới Khu đất thuê.
- 7.3. Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B bị phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, hình thành pháp nhân mới thì pháp nhân mới, phải được sự chấp thuận của Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc và pháp nhân mới phải ký Hợp đồng thuê lại đất với Bên A. Thời hạn thuê đối với pháp nhân mới là thời hạn còn lại của Hợp đồng này. Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao Khu đất thuê. Bên được chuyển nhượng phải tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng này.
- 7.4. Bên B phải gửi cho bên A các bản vẽ thiết kế xây dựng nhà máy sau đây:
- Mặt bằng tổng thể công trình,
 - Bản vẽ thiết kế tường rào, nhà bảo vệ,
 - Thiết kế san nền toàn khu,
 - Hệ thống thoát nước mưa toàn khu,
 - Hệ thống thoát nước thải toàn khu,
 - Mặt bằng cấp điện toàn khu,
 - Mặt bằng cấp nước toàn khu.

Các bản vẽ này phải được sự chấp thuận của Ban quản lý khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

- 7.5. Bên B cam kết tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.
- 7.6. Bên B cam kết trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trên Khu đất thuê sẽ không làm hư hại hay ảnh hưởng xấu tới bất cứ một tài sản, công trình nào thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp hay của các nhà máy, Công ty khác trong Khu công nghiệp công nghệ cao.
- 7.7. Bên B chịu trách nhiệm và sẽ bồi thường đầy đủ cho Bên A mỗi khi Bên A chịu thiệt hại về hạ tầng Khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hay không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 8.1. Vào cuối thời hạn thuê như đã nói tại Điều 2, bản Hợp đồng này được chấm dứt. Bên B đồng ý ngừng hoạt động và dọn dẹp các kiến trúc, thiết bị, vật liệu, ... khỏi Khu đất thuê trong vòng 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn thuê và tự chịu mọi phí tổn, đồng thời giao lại mặt bằng sạch cho Bên A.
- 8.2. Nếu Bên B không trả tiền đúng thời hạn qui định tại Điều 3, Bên A có quyền tính tiền lãi trên khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho Bên B theo lãi suất 10%/năm cho đến khi Bên A nhận được khoản tiền trả chậm; và nếu sau sáu (06) tháng kể từ thời hạn thanh toán qui định tại Điều 3 mà Bên B vẫn không thanh toán các khoản tiền qui định tại Điều 3 cho Bên A thì Bên A có quyền chấm dứt Bản Hợp đồng này do việc Bên B không trả tiền đúng hạn mà hoàn toàn không phải bồi hoàn.
- 8.3. Bên B bị thu hồi giấy phép hoạt động trước thời hạn.
- 8.4. Bên B bị giải thể trước thời hạn hoặc bị phá sản.

8.5. Theo yêu cầu và quyết định của Chính phủ Việt Nam.

ĐIỀU 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn, động đất hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

ĐIỀU 10: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI

- 10.1. Hợp đồng này sử dụng ngôn ngữ là tiếng Việt Nam. Bản Hợp đồng này sẽ do Luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.
- 10.2. Trừ khi được hai bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong Bản Hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai bên mà không được sự đồng ý của bên kia.

ĐIỀU 11: XỬ LÝ VI PHẠM

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi xảy ra tranh chấp phải đưa vụ tranh chấp đó ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để giải quyết. Việc phân xử sẽ theo pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Bản Hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi cam kết ứng thuận bằng văn bản trước đây.
- Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Bản Hợp đồng này sẽ được hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 13/9/2006.
- Bản Hợp đồng này được lập thành bảy (07) bản, mỗi bên giữ hai (02) bản; đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc mỗi nơi một (01) bản. Cả hai bên đã đọc các nội dung của Hợp đồng này, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là các nội dung đó đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Văn Dân

ĐẠI DIỆN BÊN B



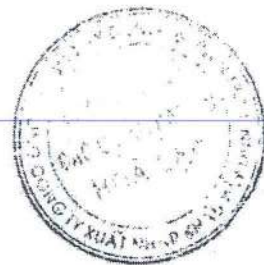
Hoàng Phúc Thắng

ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

Phụ trách ban



Nguyễn Như Vinh



PHỤ LỤC 1

(Phụ lục HĐ số 06/HĐTĐ/TL ký ngày 15/9/2006)

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM (TCVN 5945 - 1995) NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP - TIÊU CHUẨN THẢI

1. Phạm vi áp dụng

1.1. Tiêu chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất thành phần trong nước thải của các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ... (gọi chung là nước thải công nghiệp).

1.2. Tiêu chuẩn này dùng để kiểm soát chất lượng nước thải công nghiệp trước khi đổ vào các khu vực nước.

2. Giá trị giới hạn

2.1. Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất thành phần của nước thải công nghiệp khi đổ vào các vực nước phải phù hợp với quy định trong bảng.

2.2. Đối với nước thải của một số ngành công nghiệp đặc thù, giá trị các thông số và nồng độ các chất thành phần được quy định trong các tiêu chuẩn riêng.

2.3. Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất thành phần bằng hoặc nhỏ hơn giá trị quy định trong cột A có thể đổ vào các vực nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt.

2.4. Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất thành phần nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định trong cột B chỉ được đổ vào các vực nước dùng cho các mục đích giao thông thủy, tưới tiêu, bơi lội, nuôi thủy sản, trồng trọt...

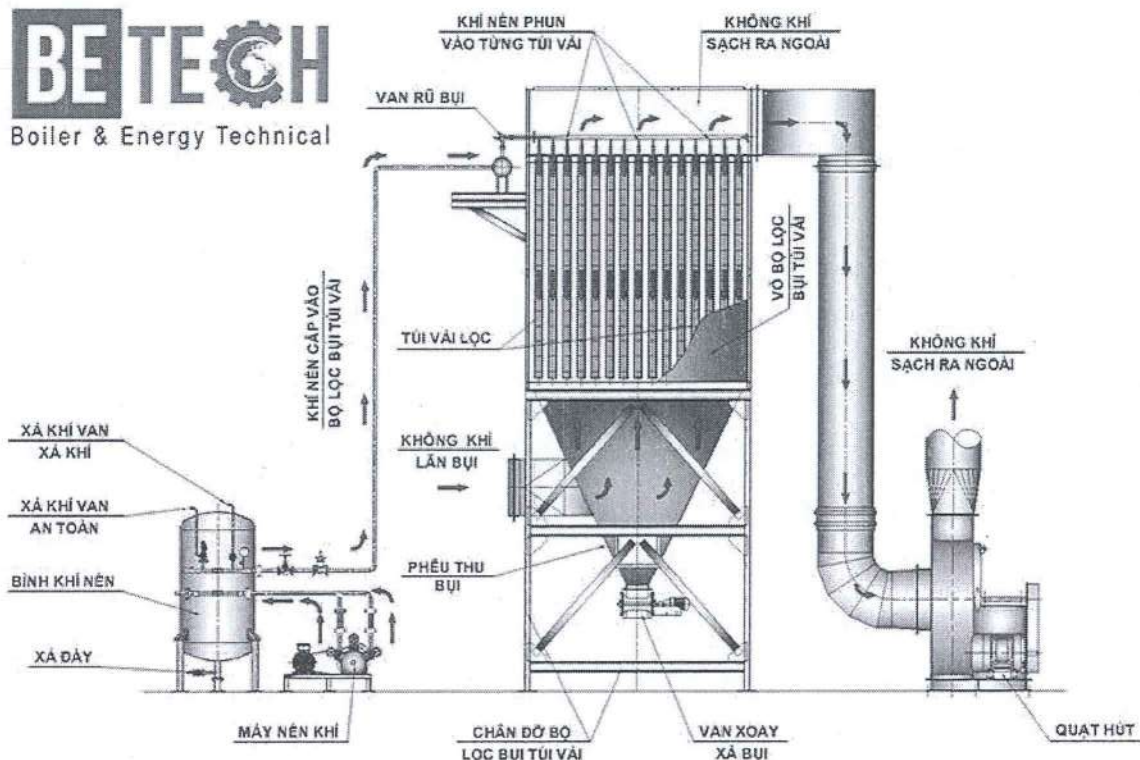
2.5. Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất thành phần lớn hơn giá trị quy định trong cột B nhưng không vượt quá giá trị quy định trong cột C chỉ được phép đổ vào các nơi được quy định.

2.6. Nước thải công nghiệp có giá trị các thông số và nồng độ các chất thành phần lớn hơn giá trị quy định trong cột C thì không được phép thải ra môi trường.

2.7. Phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán, xác định từng thông số và nồng độ cụ thể được quy định trong các TCVN tương ứng.

THUYẾT MINH CÔNG NGHỆ VÀ HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ THỐNG LỌC BỤI

Hệ thống lọc bụi túi vải là hệ thống xử lý bụi trong không khí, để khí thoát ra khỏi hệ thống là khí sạch đã được loại bỏ hoàn toàn bụi lơ lửng. Vật liệu lọc là các loại vải không dệt tổng hợp hoặc có nguồn gốc tự nhiên được may thành dạng túi. Lượng bụi được lọc có thể được thu lại khi rơi xuống đáy thông qua thiết bị được gắn ở đây. Thường sử dụng là valve xoay hoặc vít tải được sử dụng để đưa các vật liệu này ra ngoài.



Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc bụi túi vải

Quy trình hoạt động của một hệ thống lọc bụi túi vải nói chung như sau:

Khí bụi thô được hút được hút vào buồng lọc qua các cửa hút. Tại đây khí và các hạt sẽ bị giảm vận tốc dẫn tới các hạt tỷ trọng lớn sẽ rơi xuống dưới và đi ra ngoài. Phần khí sạch đi qua túi lọc và thoát ra ngoài. Các hạt bụi nhỏ hơn sẽ bám lại trên bề mặt của túi lọc.

Quá trình làm sạch túi lọc thực hiện rung giữ túi. Phương pháp sử dụng là rung giữ cơ hoặc xả khí nén để rung giữ. Các hạt bụi bám trên bề mặt túi rơi xuống dưới và đưa ra ngoài qua thiết bị thu.

Ưu điểm hệ thống lọc bụi túi vải

Hệ thống lọc bụi túi vải là hệ thống được sử dụng phổ biến. Thực tế đã chứng minh hệ thống này được ứng dụng nhiều nhờ khả năng cho phép thu hồi bụi và hiệu quả hoạt động. Dưới đây là những ưu điểm của hệ thống lọc bụi túi vải:

- Hệ thống có khả năng tùy biến cao, thích hợp với nhiều loại diện tích và yêu cầu lắp đặt.
- Giải pháp này đáp ứng hầu hết các yêu cầu lọc bụi với khả năng lọc bụi tới kích thước 5 micron.
- Hệ thống này có thể gắn kết được với nhiều thiết bị hỗ trợ và thiết bị giám sát như đồng hồ đo áp, các thiết bị giám sát an toàn mà không làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.
- Việc thiết kế hệ thống có thể được tùy biến để tiện lợi theo mỗi yêu cầu lắp đặt.
- Dễ dàng vận hành và bảo trì.
- Thiết bị cấu tạo tiện lợi để thay thế các vật liệu lọc.
- Vật liệu lọc thường có giá trị thấp, tùy thuộc vào một số yêu cầu nhất định mà sẽ yêu cầu các vật liệu lọc giá trị cao hơn như vải chống tĩnh điện, chống cháy...

Đặc tính kỹ thuật:

- Công suất thiết kế: tùy theo công suất lò để thiết kế phù hợp
- Hiệu suất: Lên tới 99%
- Nhiệt độ vận hành: $<250^{\circ}\text{C}$
- Nồng độ bụi đầu vào: $<20\text{g}/\text{Nm}^3$
- Nồng độ bụi đầu ra: $<30\text{mg}/\text{Nm}^3$
- Trở lực qua hệ thống: $<1500\text{Pa}$

Hướng dẫn vận hành hệ thống

1. Quy trình vận hành

Chuẩn bị và kiểm tra hệ thống trước khi vận hành

Trước khi đi vào vận hành cần mặc đồ bảo hộ lao động, đeo khẩu trang y tế, găng tay.

Kiểm tra bơm nước tuần hoàn, các quạt làm mát

Kiểm tra và siết chặt (nếu có) các bulong nắp đáy buồng lọc

Kiểm tra hệ thống khí nén phải đủ khí tương đương 5-8 bar

Kiểm tra van xả bụi có bị tắc không

Kiểm tra bulong chân đế động cơ, ổ đỡ, giá đỡ còn phải đủ và chắc chắn

Kiểm tra dây curoa phải đủ, căng đều đúng yêu cầu

Kiểm tra các van điều khiển tại các điểm hút (đảm bảo các van trên đường ống dẫn khí cần thu gom,...) Nên trước khi vận hành phải kiểm tra các chế độ van, và điều chỉnh phù hợp.

Kiểm tra nguồn điện vào tủ (đảm bảo đủ điện áp, đủ 3 đèn báo pha)

Kiểm tra các đèn báo tại nút bấm điều khiển của các máy (để kiểm tra phát hiện sự cố).

2. Vận hành hệ thống

a. Các bước vận hành hệ thống

Bước 1: Sau khi kiểm tra kỹ các van ta tiến hành đóng điện cho hệ thống hoạt động.

Bước 2: Bật công tắc điều khiển quạt hút (chú ý chiều quay của quạt hút), bơm tuần hoàn, máy nén khí.

Bước 3: Bật công tắc điều khiển van rũ bụi và van xả bụi cho tháp xử lý. Bật các van chạy ở chế độ tự động. Ở chế độ tự động van sẽ hoạt động theo chu kì (đã được cài đặt sẵn qua bộ timer). Timer đã được cài đặt ở chế độ hợp lý để rung rũ và xả bụi.

Trong cài đặt bộ đếm thời gian, hãy đảm bảo cài đặt nó ngoài đường dây cao áp và trường điện từ (nguyên nhân gây ra sự cố).

Khi kết nối nguồn, hãy kiểm tra đầu vào và đầu ra.

Kiểm tra thời gian, thời gian tắt & đếm và bật nguồn.

Khi sử dụng nhiều nhịp, hãy kết nối từng p, w, b với từng đầu nối phẳng và đối với nguồn điện, hãy đảm bảo tách riêng R & s và kết nối với bộ hẹn giờ chính và bộ hẹn giờ phụ theo cùng một cách (nếu R và S được chuyển đổi, mạch P.W.B bị đứt và trực trực

có thể được gây ra).

Khi sử dụng nhiều khoảng thời gian, nên sử dụng 10p và 20p cho bộ hẹn giờ chính.
Cần ngăn chặn bụi bẩn và hơi ẩm xâm nhập vào hộp hẹn giờ.

Thời gian tắt: lên đến 0-99 giây

Đúng giờ: lên đến 0,1 ~ 0,9 giây (có thể cho đến 0,05 giây theo thông số đặt hàng)

Bật đếm: hoạt động một nhịp 1 ~ 30 điểm, hoạt động nhiều nhịp 1-100 điểm

(<https://www.youtube.com/watch?v=tFj4Huxh9aO>) Tham khảo theo video này.

Bước 4: Trong quá trình vận hành phải thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống quạt, van rũ bụi, van xả bụi, máy nén khí.

Bước 5: Kết thúc ca vận hành. Ngắt quạt hút, máy nén khí, tắt van xả bụi van rũ bụi.
Vệ sinh khu vực trạm xử lý. Ghi lại nhật ký ca vận hành.

b. Dừng hệ thống

Dừng khẩn cấp: Chỉ nên dừng khẩn cấp trong Uường hợp xảy ra sự cố. Tắt át tổng trong tủ điện.

Dừng bình thường: Dừng lần lượt các máy móc thiết bị cho đến hết. Tiến hành vệ sinh toàn bộ hệ thống và các khu vực xung quanh sau khi kết thúc ca vận hành.

3. Các sự cố thường gặp và cách khắc phục

I	Quạt hút, bơm		
1.	Động cơ không chạy	- Không đủ điện áp - Công tắc tự động đóng - Rotor bị kẹt - Rơ le nhiệt nhảy	- Kiểm tra nguồn điện và dây điện vào máy - Điều chỉnh công tắc và xác định nguyên nhân - Nhận định nguyên nhân của vấn đề và loại bỏ - Điều chỉnh lại chế độ tự động
2.	Quạt hút không hút, không đẩy khí được.	- Có hiện tượng lực hút tại cái điểm thu khí bị yếu hoặc không hút được	- Kiểm tra đường ống ra, đường ống vào quạt - Kiểm tra gió - Kiểm tra chiều quay của quạt
H	Van rũ bụi và van xả bụi		
1.	Van không hoạt động	- Không đủ điện áp - Công tắc tự động đóng - Rơ le nhiệt nhảy - Có thể do van rũ hỏng	- Kiểm tra nguồn điện và dây điện cấp đến van - Điều chỉnh công tắc và xác định nguyên nhân - Điều chỉnh lại chế độ tự động - Thay thế van rũ
III	Phần điện điều khiển		
1.	Rơle nhiệt của thiết bị tự động đóng.	- Dòng làm việc cao hơn dòng định mức, tức là điện áp nguồn thấp hơn điện áp quy định. - Động cơ bị làm việc quá tải.	- Kiểm tra điện áp nguồn và dòng làm việc của các máy. - Cần kiểm tra các van, vệ sinh máy.

2.	Rơ le nhiệt của các máy bơm bột (đèn đỏ tại các công tắc quạt)	Máy đang bị quá tải (nếu điện áp nguồn đủ) do có vật cản tại đầu hút như rác, dây, sợi nilông	- Cần kiểm tra quạt hút và vệ sinh máy.
----	--	---	---

4. Bảo trì các máy móc thiết bị

a. Quạt hút, bơm

Định kỳ (2-3 tháng/lần) kiểm tra cánh và vỏ của quạt hút (tùy theo tình hình thực tế có thể thay đổi thời gian kiểm tra).

Hàng ngày trước khi vận hành cần kiểm tra sơ bộ (Role áp , ốc vít đảm bảo role áp suất hoạt động tốt và không có bất cứ bulông hay nút dầu nào của máy bị lỏng.

b. Tủ điện

Hàng ngày kiểm tra điện áp nguồn vào tủ để đảm bảo sự hoạt động ổn định cho các máy móc thiết bị.

Định kỳ kiểm tra hệ thống cầu chì, hệ thống rơ le nhiệt, các attomat trong tủ điện của các máy.

c. Hệ thống van khoá

Định kỳ kiểm tra để đảm bảo sự đóng mở dễ dàng của các van khoá trên đường ống dẫn khí.

**PHỤ LỤC 2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG NỀN**

Số TN: 0966/DAK/2023/3295/MTX-KQ/HN287/5788

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
- Cơ sở được lấy mẫu : Dự án "Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc"
- Địa chỉ : Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Loại mẫu : Không khí xung quanh
- Ký hiệu mẫu : KK1; KK2
- Ngày lấy mẫu : 17/07/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012 /BTNMT	35,2	34,9	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012 /BTNMT	62,9	62,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012 /BTNMT	0,5	0,4	-
4	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878 -2:2010	46,3	47,7	70 ⁽²⁶⁾
5	Bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	87,7	74,2	300
6	CO	µg/m ³	MTX.PT.KK-05	6190	5180	30000
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	85,9	87,3	350
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	88,6	89,8	200

Ghi chú:

- QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁶⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- KK1 (HN287.23T7HPT1.KK1): Mẫu không khí khu vực công nhà máy; KK2 (HN287.23T7HPT1.KK2): Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (✓): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 3543

23T7HPT1

Mã KH: HN287

STT ký: 5788

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Dự án "Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc"

Địa chỉ quan trắc: Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Hồ Đình Hoàng.....Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Tiến Đức.....Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện:Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện:Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Nhiệt độ.....

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy	HN287.23T7HPT1.KK1	X: 2323566 Y: 556397	
2	Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy	HN287.23T7HPT1.KK2	X: 2323530 Y: 556417	

Số TN: 0967/DAK/2023/3296/MTX-KQ/HN287/5789

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Dự án “Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc”
3. Địa chỉ : Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2
6. Ngày lấy mẫu : 17/07/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁸⁾
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012 /BTNMT	36,8	36,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012 /BTNMT	57,4	58,3	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012 /BTNMT	0,4	0,6	-
4	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878 -2:2010	42,2	43,9	70 ⁽²⁸⁾
5	Bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	72,3	87,8	300
6	CO	µg/m ³	MTX.PT.KK-05	5440	5930	30000
7	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	87,2	85,1	350
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	92,6	90,5	200

Ghi chú:

- QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁸⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁸⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- KK1 (HN287.23T7HPT2.KK1): Mẫu không khí khu vực công nhà máy; KK2 (HN287.23T7HPT2.KK2): Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy;

(*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (✓) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 3543*23T7HPT2 Mã KH: HN287

STT ký: 5789

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Dự án "Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc"

Địa chỉ quan trắc: Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Hồ Đình Hoàn Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Tiến Đức Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Nhiệt độ

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy	HN287.23T7HPT2.KK1	X: 1323566 Y: 556397	
2	Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy	HN287.23T7HPT2.KK2	X: 1323530 Y: 556417	

Số TN: 0968/DAK/2023/3297/MTX-KQ/HN287/5790

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Tên khách hàng | : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam |
| 2. Cơ sở được lấy mẫu | : Dự án “Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc” |
| 3. Địa chỉ | : Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội |
| 4. Loại mẫu | : Không khí xung quanh |
| 5. Ký hiệu mẫu | : KK1; KK2 |
| 6. Ngày lấy mẫu | : 17/07/2023 |

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ^(2a)
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012 /BTNMT	37,5	37,1	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012 /BTNMT	51,2	52,9	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012 /BTNMT	0,4	0,7	-
4	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878 -2:2010	41,6	44,8	70 ^(2b)
5	Bụi lơ lửng (TSP)	µg/m³	TCVN 5067:1995	72,1	72,4	300
6	CO	µg/m³	MTX.PT.KK-05	4910	6070	30000
7	SO ₂	µg/m³	TCVN 5971:1995	88,9	86,5	350
8	NO ₂	µg/m³	TCVN 6137:2009	91,2	87,7	200

Ghi chú:

- QCVN 05: 2013/ BTNMT (TB 1h) ⁽²⁶⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - Trung bình 1 giờ; ⁽²⁶⁾QCVN 26:2010 / BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- KK1 (HN287.23T7HPT3.KK1): Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy; KK2 (HN287.23T7HPT3.KK2): Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023



~~GIÁM ĐỐC~~

Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 3542*23T7HPT3

Mã KH: HN287

STT ký: 5790

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Dự án “Xây dựng Tổ hợp công nghệ HPT tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc”

Địa chỉ quan trắc: Lô CN1-02.1, Khu công nghiệp công nghệ cao 1 – Khu công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Hồ Đình Hoàn.....Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Tiến An.....Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện:Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện:Chức vụ:

2. Đại diện:Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Thời nắng.....

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu không khí khu vực cổng nhà máy	HN287.23T7HPT3.KK1	X: 2323566 Y: 558397	
2	Mẫu không khí khu vực đường nội bộ nhà máy	HN287.23T7HPT3.KK2	X: 2323530 Y: 558417	

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 276

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 276
(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh.

Trụ sở chính: số 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ô DV-04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Quyết định số: 1444 /QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Ông Lương Văn Ninh Chức vụ: Giám đốc

CCCD số: 024085000338 do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28 tháng 02 năm 2017.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 26 tháng 04 năm 2021

Đến ngày 25 tháng 04 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	
2. Khí:	Lấy mẫu: 24 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 24 thông số	Đo tại hiện trường: 12 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	33 thông số	Nước mặt:	31 thông số
- Nước mặt:	34 thông số	- Nước thải:	19 thông số
- Nước dưới đất:	10 thông số	- Nước biển:	
- Nước mưa:			
2. Khí:	11 thông số		
- Không khí xung quanh:	11 thông số		
- Khí thải:	10 thông số		
3. Đất:	05 thông số		
4. Trầm tích:	09 thông số		
5. Bùn:	09 thông số		
6. Chất thải:			

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1444 /QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 04 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 144 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh”, trụ sở chính: số 54 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; địa chỉ phòng thí nghiệm: Ô DV-04, Lô số 25, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 276/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 276) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(12).



Phụ lục

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

*(Kèm theo Quyết định số 144 /QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 01 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Nước:

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 1.000 NTU
		TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
5	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	MTX.QTMT-N-08	0 ÷ 1999 mg/L
7	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70 ‰

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 5994:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm (tính theo CaCO_3)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3)	TCVN 6224:1996	2,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	6,0 mg/L
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
7	Amoni ($\text{NH}_4^+ - \text{N}$)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
8	Nitrit ($\text{NO}_2^- - \text{N}$)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
9	Nitrat ($\text{NO}_3^- - \text{N}$)	TCVN 6180:1996	0,005 mg/L
10	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500- SO_4^{2-} E:2017	3,0 mg/L
11	Photphat ($\text{PO}_4^{3-} - \text{P}$)	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
12	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
13	Florua (F^-)	SMEWW 4500- F^- B&D:2017	0,06 mg/L
14	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500- CN^- C&E:2017	0,003 mg/L
15	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
16	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
17	Sunfua	TCVN 6637:2000	0,03 mg/L
18	Canxi (Ca^{2+})	SMEWW 3111B:2017	0,2 mg/L
19	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
		SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
20	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
21	Natri (Na)	SMEWW 3111B:2017	0,01 mg/L
22	Kali (K)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L

23	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
24	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0001 mg/L
25	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
26	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,035 mg/L
27	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	0,0003 mg/L
28	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	0,0007 mg/L
29	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
30	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,0004 mg/L
31	Coliform	TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 mL
32	E.coli	TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 mL
33	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,016 mg/L

1.2. Nước thải

1.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	MTX.QTMT-N-08	0 ÷ 1999 mg/L

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	6,0 mg/L
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	3,0 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	0,03 mg/L
8	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P)	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
10	Clo dư	TCVN 6225-1:2012	0,03 mg/L
		TCVN 6225-2:2012	0,03 mg/L
11	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	0,03 mg/L
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2017	0,06 mg/L
13	Xyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500-CN ⁻ C&E:2017	0,003 mg/L
14	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
15	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
16	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	0,002 mg/L
17	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,025 mg/L
		SMEWW 3111B:2017	0,045 mg/L
18	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
19	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
20	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0001 mg/L
21	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
22	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,035 mg/L

23	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	0,0006 mg/L
24	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	0,002 mg/L
25	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
26	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3113B:2017	0,0005 mg/L
27	Crom (VI)	TCVN 6658:2000	0,003 mg/L
28	Crom (III)	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	0,05 mg/L
29	Thiếc (Sn)	SMEWW 3113B:2017	0,0003 mg/L
30	Coliform	TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 mL
31	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,016 mg/L

1.3. Nước dưới đất

1.3.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Đải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
5	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	MTX.QTMT-N-08	0 ÷ 1999 mg/L
7	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70 ‰

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-11:2011 TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.3.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm (tính theo CaCO_3)	TCVN 6636-1:2000	3,0 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO_3)	TCVN 6224:1996	2,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	6,0 mg/L
5	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
6	Amoni ($\text{NH}_4^+ - \text{N}$)	TCVN 6179-1:1996	0,02 mg/L
7	Nitrit ($\text{NO}_2^- - \text{N}$)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
8	Nitrat ($\text{NO}_3^- - \text{N}$)	TCVN 6180:1996	0,005 mg/L
9	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017	3,0 mg/L
10	Photphat ($\text{PO}_4^{3-} - \text{P}$)	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
11	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L
12	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2017	0,06 mg/L
13	Sunfua	TCVN 6637:2000	0,06 mg/L
14	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
15	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
16	Canxi (Ca^{2+})	SMEWW 3111B:2017	0,2 mg/L
17	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
		SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
18	Niken (Ni)	SMEWW 3113B:2017	0,0035 mg/L
19	Natri (Na)	SMEWW 3111B:2017	0,01 mg/L
20	Kali (K)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
21	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
22	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,00007 mg/L

23	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	0,001 mg/L
24	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2017	0,035 mg/L
25	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	0,0002 mg/L
26	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	0,001 mg/L
27	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/L
28	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3111B:2017	0,05 mg/L
29	Crom (VI)	TCVN 6658:2000	0,003 mg/L
30	Selen (Se)	SMEWW 3114B:2017	0,0015 mg/L
31	Coban (Co)	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
32	Coliform	TCVN 6187-1:2019	01 vi khuẩn/ 100 mL
		TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 mL
33	E. coli	TCVN 6187-1:2019	01 vi khuẩn/ 100 mL
		TCVN 6187-2:1996	3 MPN/100 mL
34	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,02 mg/L

1.4. Nước biển

1.4.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU
5	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	MTX.QTMT-N-08	0 ÷ 1999 mg/L
7	Độ muối	SMEWW 2520B:2017	0 ÷ 70 ‰

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước biển ven bờ	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5998:1995 TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

1.4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	6,0 mg/L
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
3	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
4	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017	0,03 mg/L
6	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P)	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
7	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F B&D:2017	0,06 mg/L
8	Sunfua	TCVN 6637:2000	0,04 mg/L
9	Tổng Photpho	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
10	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
11	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,002 mg/L
12	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
13	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	0,0001 mg/L
14	Chì (Pb) <i>Áp dụng cho nước biển ven bờ và gần bờ</i>	SMEWW 3113B:2017	0,002 mg/L
15	Thủy ngân (Hg) <i>Áp dụng cho nước biển ven bờ và gần bờ</i>	SMEWW 3112B:2017	0,0002 mg/L
16	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	0,0006 mg/L
17	Tổng Crom	SMEWW 3113B:2017	0,00035 mg/L

18	Crom (VI)	TCVN 6658:2000	0,003 mg/L
19	Coliform	TCVN 6187-1:2019	01 vi khuẩn/ 100 mL
		TCVN 6187-2:1996	3MPN /100 mL

1.5. Nước mưa

1.4.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2017	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	MTX.QTMT-N-08	0 ÷ 1999 mg/L

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mưa	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5997:1995 TCVN 6663-3:2016

1.4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
2	Nitrit (NO_2^- - N)	TCVN 6178:1996	0,004 mg/L
3	Nitrat (NO_3^- - N)	TCVN 6180:1996	0,005 mg/L
4	Photphat (PO_4^{3-} - P)	TCVN 6202:2008	0,005 mg/L
5	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017	3,0 mg/L
6	Florua (F)	SMEWW 4500-F B&D:2017	0,06 mg/L
7	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	2,0 mg/L

8	Natri (Na)	SMEWW 3111B:2017	0,01 mg/L
9	Kali (K)	SMEWW 3111B:2017	0,04 mg/L
10	Canxi (Ca ²⁺)	SMEWW 3111B:2017	0,2 mg/L

2. Khí

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 60 ⁰ C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 90 %RH
3	Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	850 ÷ 1.100 hPa
4	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4 ÷ 40 m/s
5	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	30 ÷ 130 dBA
6	Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 360 ^o

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995
2	NO ₂	TCVN 6137:2009
3	SO ₂	TCVN 5971:1995
4	CO	MTX.QTMT.KK-05
5	NH ₃	TCVN 5293:1995
6	H ₂ S	MASA 701
7	O ₃	MASA 411
8	Cl ₂	MASA 202
9	Asen (As)	NIOSH Method 7900
10	Niken (Ni)	OSHA Method ID 121
11	Cadimi (Cd)	NIOSH Method 7048
12	Crom (VI)	NIOSH Method 7600

13	Chì (Pb)	TCVN 5067:1995
14	Thủy ngân (Hg)	NIOSH Method 6009
15	Mangan (Mn)	OSHA Method ID 121
16	HF	NIOSH Method 7906
17	HBr	NIOSH Method 7907
18	HNO ₃	NIOSH Method 7907
19	HCl	NIOSH Method 7907
20	H ₂ SO ₄	NIOSH Method 7908
21	H ₃ PO ₄	NIOSH Method 7908
22	HCN	NIOSH Method 6010
23	Hydrocacbon (CxHy)	NIOSH Method 1500
	<i>n-heptane</i>	
	<i>n-hexane</i>	
	<i>n-octane</i>	
	<i>n-nonane</i>	
	<i>n-decane</i>	
	<i>n-undecane</i>	
	<i>n-dedocane</i>	
24	VOCs	NIOSH Method 1501
	<i>Benzen</i>	
	<i>Etylbenzen</i>	
	<i>Styren</i>	
	<i>Toluen</i>	
	<i>Xylen</i>	
	<i>o-Xylen</i>	
	<i>m-Xylen</i>	
	<i>p-Xylen</i>	
	<i>Cumene</i>	

	<i>p-tert-butyltoluene</i>	
	<i>α-methylstyrene</i>	
	<i>β-methylstyrene</i>	

2.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/m ³
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	2,0 µg/m ³
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	10,0 µg/m ³
4	CO	MTX.PT.KK-05	1500 µg/m ³
5	O ₃	MASA 411	20,0 µg/m ³
6	H ₂ S	MASA 701	10,0 µg/m ³
7	NH ₃	TCVN 5293:1995	2,0 µg/m ³
8	Chì (Pb)	TCVN 6152-1996	0,23 µg/m ³
9	Niken (Ni)	OSHA Method ID 121	0,14 µg/m ³
10	Cadimi (Cd)	NIOSH Method 7048	0,05 µg/m ³
11	Mangan (Mn)	OSHA Method ID 121	1,6 µg/m ³

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số đo nhanh ngoài hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	MTX.QTMT.KT-05	0 ÷ 1.000 ⁰ C
2	Áp suất tuyệt đối	MTX.QTMT.KT-05	0 – 250 mmH ₂ O
3	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
4	Vận tốc	US EPA Method 2	0 ÷ 100 m/s
5	Lưu lượng	US EPA Method 2	0 ÷ 4.521.600 m ³ /h

6	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-
7	Xác định hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100 %
8	O ₂	MTX.QTMT.KT-06	0 ÷ 25 %
9	NO _x (Tính theo NO ₂)	MTX.QTMT.KT-06	
	NO		0 ÷ 2460 mg/Nm ³
	NO ₂		0 ÷ 376 mg/Nm ³
10	SO ₂	MTX.QTMT.KT-06	0 ÷ 10480 mg/Nm ³
11	CO	MTX.QTMT.KT-06	0 ÷ 2280 mg/Nm ³
12	CO ₂	MTX.QTMT.KT-06	0 ÷ 20 %

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Bụi tổng	US EPA method 5
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 7246:2003
3	Nitơ oxit (NO _x tính theo NO ₂)	TCVN 7172:2002
4	Cacbon oxit (CO)	TCVN 7242:2003
5	Amoniac (NH ₃)	JIS K 0099:2004
6	Hydro sunfua (H ₂ S)	IS 11255 (part 4):2016
7	Axit Flohydric (HF)	US EPA Method 26A
8	Clo (Cl ₂)	US EPA Method 26A
9	Axit clohydric (HCl)	US EPA Method 26A
10	Axit bromua (HBr)	US EPA Method 26A
11	Brom (Br ₂)	US EPA Method 26A
12	Axit sunfuric (H ₂ SO ₄)	US EPA Method 8
13	Asen (As)	US EPA Method 29
14	Cadimi (Cd)	US EPA Method 29
15	Chì (Pb)	US EPA Method 29
16	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 29

17	Đồng (Cu)	US EPA Method 29
18	Kẽm (Zn)	US EPA Method 29
19	Niken (Ni)	US EPA Method 29
20	Crom (Cr)	US EPA Method 29
21	Mangan (Mn)	US EPA Method 29
22	Selen (Se)	US EPA Method 29
23	Bari (Ba)	US EPA Method 29
24	VOCs	US EPA Method 18
	<i>1,1-Dicloetan</i>	
	<i>1,1,2-Tricloetan</i>	
	<i>1,4-Dioxan</i>	
	<i>2-Pentanon</i>	
	<i>Benzen</i>	
	<i>B-clopren</i>	
	<i>Bromochloromethane</i>	
	<i>Clopicrin</i>	
	<i>Cyclohexen</i>	
	<i>Clorofom</i>	
	<i>Cyclohexan</i>	
	<i>Dimetylhydrazin</i>	
	<i>Etylendiamin</i>	
	<i>Etylaxetat</i>	
	<i>Etylacrilat</i>	
	<i>Etylen oxyt</i>	
	<i>Metylcyclohexan</i>	
	<i>Metyl clorofom</i>	
	<i>Metylaxetat</i>	
	<i>Metylacrylat</i>	

	Nitroetan	
	Nitrometan	
	n-butanol	
	n-Hexan	
	n-Heptan	
	n-Propanol	
	n-Propylaxetat	
	Propylenoxyt	
	Pyridin	
	Propylendiclorua	
	Tetraclometan	
	Tetracloetylen	
	Tricloetylen	
	Trietylamin	
	Toluen	
	Vinylclorua	

2.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Bụi tổng	US EPA Method 5	4,0 mg/Nm ³
2	Asen (As)	US EPA Method 29	0,001 mg/Nm ³
3	Chì (Pb)	US EPA Method 29	0,003 mg/Nm ³
4	Bari (Ba)	US EPA Method 29	0,004 mg/Nm ³
5	Cadimi (Cd)	US EPA Method 29	0,0002 mg/Nm ³
6	Crom (Cr)	US EPA Method 29	0,037 mg/Nm ³
7	Đồng (Cu)	US EPA Method 29	0,03 mg/Nm ³
8	Mangan (Mn)	US EPA Method 29	0,038 mg/Nm ³

9	Niken (Ni)	US EPA Method 29	0,038 mg/Nm ³
10	Kẽm (Zn)	US EPA Method 29	0,047 mg/Nm ³
11	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 29	0,0006 mg/Nm ³

3. Đất

3.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu đất	TCVN 7538-5:2007; TCVN 7538-1:2006; TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-4:2007; TCVN 4046:1985;

3.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2007	2 ÷ 12
2	Độ ẩm	TCVN 6648:2000	1,0 %
3	Độ dẫn điện (EC)	TCVN 6650:2000	0 ÷ 50 mS/cm
4	Tổng Nitơ	TCVN 6498:1999	5,0 mg/kg
5	Asen (As)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3114B:2017	0,25 mg/kg
6	Đồng (Cu)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
7	Chì (Pb)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	0,3 mg/kg
8	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
9	Crom (Cr)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	5,0 mg/kg
10	Cadimi (Cd)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	0,05 mg/kg

4. Trầm tích

4.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu trầm tích	TCVN 6663-15:2004 TCVN 6663-13:2000

4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Asen (As)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3114B:2017	0,25 mg/kg
2	Đồng (Cu)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
3	Chì (Pb)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	0,3 mg/kg
4	Crom (Cr)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	5,0 mg/kg
5	Cadimi (Cd)	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	0,05 mg/kg

5. Bùn

5.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015 TCVN 6663-15:2004

5.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	pH	USEPA 9040C + USEPA 9045D	0 ÷ 14
2	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3114B:2017	0,4 mg/kg
3	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	0,06 mg/kg
4	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	0,3 mg/kg
5	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	3,4 mg/kg
6	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
7	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
8	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	3,7 mg/kg
9	Tổng dầu	US EPA 9071B	2,5 mg/kg

6. Chất thải rắn

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng
1	Mẫu chất thải rắn	TCVN 9466:2012

6.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ Số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	pH	USEPA 9040C+USEPA 9045D	0 ÷ 14
2	Asen (As)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3114B:2017	0,4 mg/kg
3	Cadimi (Cd)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	0,06 mg/kg
4	Chì (Pb)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017	0,3 mg/kg
5	Coban (Co)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	3,4 mg/kg
6	Đồng (Cu)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
7	Kẽm (Zn)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	4,0 mg/kg
8	Niken (Ni)	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111B:2017	3,7 mg/kg
9	Tổng dầu	US EPA 9071B	2,5 mg/kg

PHỤ LỤC 3. CÁC BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP- TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG - PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH VÀ ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC

ĐỊA ĐIỂM: LÔ CN1-02A.6, KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 1, KHU CNC HOÀ LẠC, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: LIÊN DANH RB - SBI



HÀ NỘI, NĂM 2022

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU
PHẦN I: HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH		
HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG		
1	MẶT BẰNG VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH	MBVT
2	BẢN VẼ TRẮC ĐẠC CÔNG TRÌNH	BC-02
3	TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG	TT-01
4	TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN HIỆN TRẠNG	TT-02
5	TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG	TT-03
6	TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG	TT-04
7	TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN TRẠNG	TT-05
HẠNG MỤC SỐ 1: XƯỞNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001		
1	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 1	HT-01
2	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG MÁI	HT-02
3	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC 21-1 & 1-21	HT-03
4	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC A-J & J-A	HT-04
HẠNG MỤC SỐ 2: XƯỞNG LẬP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG CỐT LIỆU KHÍ		
1	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG CỐT+0.000	HT-01
2	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG CỐT +2.900 & +3.800	HT-02
3	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG CỐT +3.800 & +5.850	HT-03
4	MẶT BẰNG MÁI	HT-04
5	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC 1-8 & A-D	HT-05
6	MẶT CÁT HIỆN TRẠNG 1-1 & 2-2	HT-06
HẠNG MỤC SỐ 3: XƯỞNG SẢN XUẤT THỦ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ CỐT LIỆU KHÍ		
1	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 1	HT-01
2	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG CỐT +3.000	HT-02
3	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC 12-1 & 1-12	HT-03
4	MẶT ĐỨNG HIỆN TRẠNG TRỤC A-D & D-A	HT-04
5	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	HT-05
HẠNG MỤC SỐ 4: NHÀ BƠM + BỂ		
1	MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG NHÀ BƠM + BỂ	HT-01

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU
PHẦN II: ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH		
HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG		
1	TỔNG MẶT BẰNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TT-01
2	TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG NỘI BỘ	TT-02
3	TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN TỔNG THỂ	TT-03
4	TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ	TT-04
5	TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	TT-05
6	TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	TT-06
7	PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 01	PC-01
8	PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 02	PC-02
9	PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 03	PC-03
HẠNG MỤC SỐ 1: CÔNG - TƯỜNG RÀO		
1	CHI TIẾT TƯỜNG RÀO - CHI TIẾT CỐNG ĐIỆN	TR-01
HẠNG MỤC SỐ 2: NHÀ BẢO VỆ		
1	MẶT BẰNG - MẶT ĐỨNG	KT-01
HẠNG MỤC SỐ 3: NHÀ ĐIỀU HÀNH		
1	MẶT BẰNG TẦNG 1	KT-01
2	MẶT BẰNG TẦNG 2	KT-02
3	MẶT BẰNG TẦNG 3	KT-03
4	MẶT BẰNG MÁI	KT-04
5	MẶT ĐỨNG 1-10 & A-D	KT-05
6	MẶT ĐỨNG 10-1 & D-A	KT-06
7	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KT-07
HẠNG MỤC SỐ 4: NHÀ XƯỞNG SỐ 1		
1	MẶT BẰNG CỐT+0.000	KT-01
2	MẶT BẰNG CỐT +2.900 & +3.800	KT-02
3	MẶT BẰNG CỐT +3.800 & +5.850	KT-03
4	MẶT BẰNG MÁI	KT-04
5	MẶT ĐỨNG TRỤC 1-8 & A-D	KT-05
6	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KT-06

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU
HẠNG MỤC SỐ 5: NHÀ XƯỞNG SỐ 2		
1	MẶT BẰNG TẦNG 1	KT-01
2	MẶT BẰNG CỐT +3.000	KT-02
3	MẶT BẰNG MÁI	KT-03
4	MẶT ĐỨNG TRỤC 12-1 & 1-12	KT-04
5	MẶT ĐỨNG TRỤC A-D & D-A	KT-05
6	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KT-06
HẠNG MỤC SỐ 6: NHÀ PHỤC VỤ CÔNG NHÂN		
1	MẶT BẰNG CÔNG NĂNG & MẶT BẰNG MÁI	KT-01
2	MẶT ĐỨNG CÔNG TRÌNH	KT-02
HẠNG MỤC SỐ 7: NHÀ CANTEEN		
1	MẶT BẰNG CÔNG NĂNG TẦNG 1	KT-01
2	MẶT BẰNG CAO ĐỘ +3.300 - MẶT ĐỨNG TRỤC 1-8	KT-02
3	MẶT BẰNG MÁI - MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KT-03
4	MẶT ĐỨNG TRỤC 8-1 & A-C & C-A	KT-04
HẠNG MỤC SỐ 9: NHÀ XƯỞNG SỐ 3		
I ĐƠN NGUYÊN SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ NHỰA		
1	MẶT BẰNG TẦNG 1-2	KT-01
2	MẶT ĐỨNG TRỤC 1-5 & 5-1	KT-02
3	MẶT ĐỨNG TRỤC A-F	KT-03
II ĐƠN NGUYÊN SẢN XUẤT, GIA CÔNG TÁM PHI KIM, ĐÁ TỰ NHIÊN, ĐÁ NHÂN TẠO		
1	MẶT BẰNG TẦNG 1	KT-01
2	MẶT BẰNG TẦNG 2	KT-02
3	MẶT BẰNG TẦNG 3	KT-03
4	MẶT BẰNG TẦNG 4	KT-04
5	MẶT BẰNG TẦNG TUM	KT-05
6	MẶT BẰNG TẦNG MÁI	KT-06
7	MẶT CÁT A-A ; MẶT CÁT B-B	KT-07
8	MẶT ĐỨNG TRỤC F-A; MẶT ĐỨNG TRỤC A-F	KT-08
9	MẶT ĐỨNG TRỤC 11-1; MẶT ĐỨNG TRỤC 1-11	KT-09

STT	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU
HẠNG MỤC SỐ 10: NHÀ ĐỂ XE TẢI XE NANG		
1	MẶT BẰNG CÔNG NĂNG	KT-01
2	MẶT BẰNG	KT-02
3	MẶT ĐỨNG - MẶT BÊN	KT-03
4	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KT-04
HẠNG MỤC SỐ 11: NHÀ ĐỂ XE		
1	MẶT BẰNG CAO ĐỘ +0.000	KT-01
2	MẶT BẰNG MÁI	KT-02
3	MẶT CÁT 1-1 - MẶT ĐỨNG TRỤC 1-6	KT-03
HẠNG MỤC SỐ 12: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CNC		
1	MẶT BẰNG TẦNG 1 - MẶT BẰNG TẦNG 2	KT-01
2	MẶT BẰNG TẦNG 3 - MẶT BẰNG TẦNG 4	KT-02
3	MẶT BẰNG TẦNG TUM - MẶT BẰNG TẦNG MÁI	KT-03
4	MẶT ĐỨNG TRỤC 1-14 & 14-1	KT-04
5	MẶT ĐỨNG A-C & C-A - MẶT CÁT B-B & A-A	KT-05
HẠNG MỤC SỐ 14: KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI		
1	MẶT BẰNG CAO ĐỘ +0.000 - MẶT BẰNG MÁI	KT-01
2	MẶT CÁT 1-1 - MẶT ĐỨNG TRỤC 1-15	KT-02
3	MẶT BẰNG TẦNG TUM - MẶT BẰNG TẦNG MÁI	KT-03
4	MẶT ĐỨNG TRỤC 1-14 & 14-1	KT-04
5	MẶT ĐỨNG A-C & C-A - MẶT CÁT B-B & A-A	KT-05
HẠNG MỤC SỐ 15: MÁI NƠI NHÀ XƯỞNG 1-2		
1	MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG K1	KC-01
2	MẶT BẰNG KẾT CẤU KHUNG K2	KC-02
3	MẶT BẰNG KẾT CẤU HỆ KHUNG K2	KC-03
4	MẶT CÁT 1-1 & 2-2	KC-04
HẠNG MỤC SỐ 16: HÀNH LANG CẦU		
1	HÀNH LANG CẦU	KT-01
HẠNG MỤC SỐ 18: PHÒNG BƠM CHỮA CHÁY		
1	PHÒNG BƠM CHỮA CHÁY	KT-01

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
NGÀY THÁNG NĂM

CHỖ ĐẤU TỦ

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠ:
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẬT LIỆU MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHỆ MỚI

TH. P. XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

TÊN HẠNG MỤC

DANH MỤC BẢN VẼ

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH
LÔ CNI-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

LIÊN DANH RB - SBI

CÁN CỐ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 2020/MKH-DKT/0202
NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT
HIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT HIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT SBI

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:
0569 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
& PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠ: NGƯỜI CỐ THỰC GIỮ NHÀ HẠ NỘI
THƯƠNG MẠI | MÃI: RBHANXO@GMAIL.COM
PHÁT HIỂN VÀ ĐƯNG
GIAM ĐỐC
RB HÀ NỘI

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:
KTS. TRẦN HỮU THÔNG
THS. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC

THIẾT KẾ KẾT CẤU:
KTS. TRẦN TRÍ TÂM
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:
Ks. PHẠM THANH TÙNG
THIẾT KẾ MÀC:
Ks. NGUYỄN ĐỨC TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
THS. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC

TÊN BẢN VẼ

DANH MỤC BẢN VẼ

BỘ HỒ SƠ

PHÊ DUYỆT TMB

TỈ LỆ

1/500

BẢN VẼ

DMBV

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI

VP: P.1304, A2 NGUYỄN CƠ THẠCH, Q.TỪ LIÊM - TP.HÀ NỘI

TEL: 091.604.6408 - 090.221.5511 - EMAIL:RBHANOIXD@GMAIL.COM



HÀ NỘI, NĂM 2022

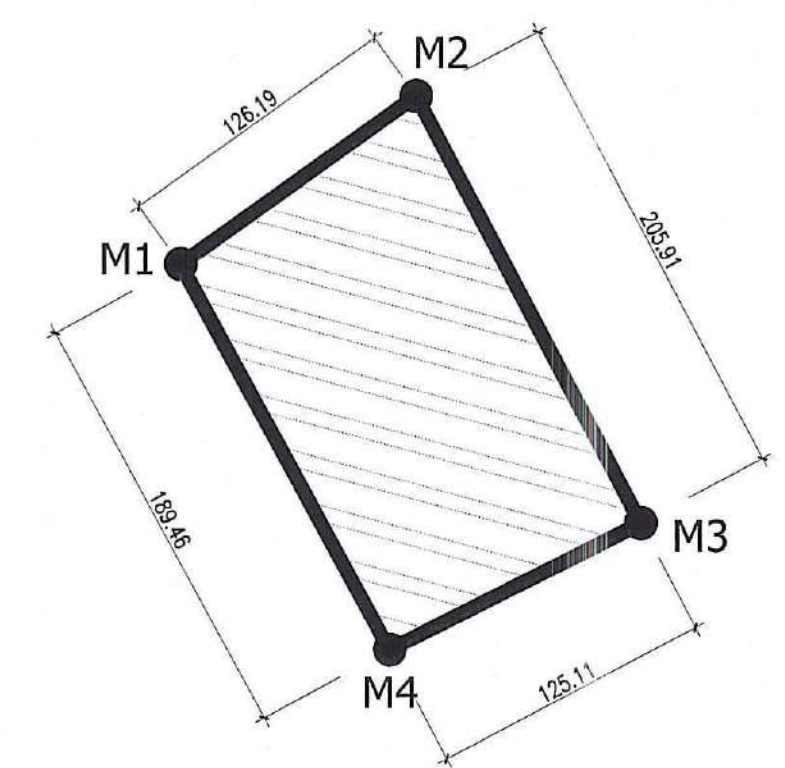
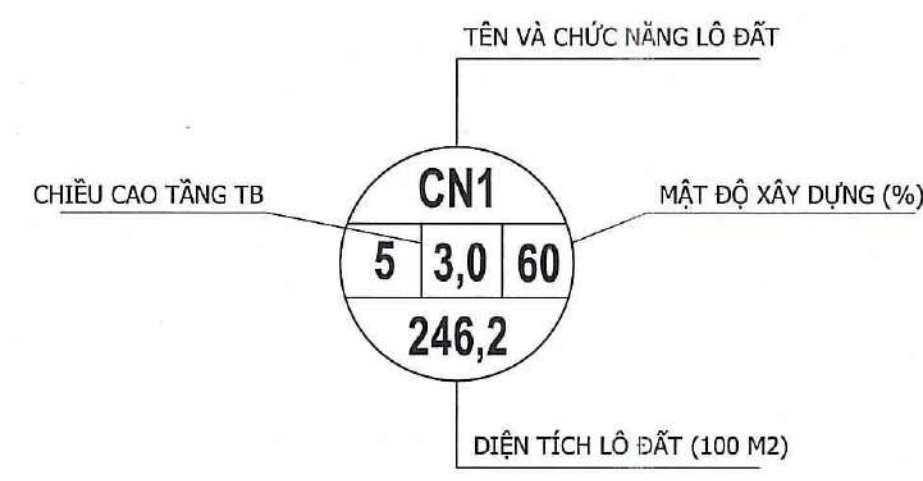
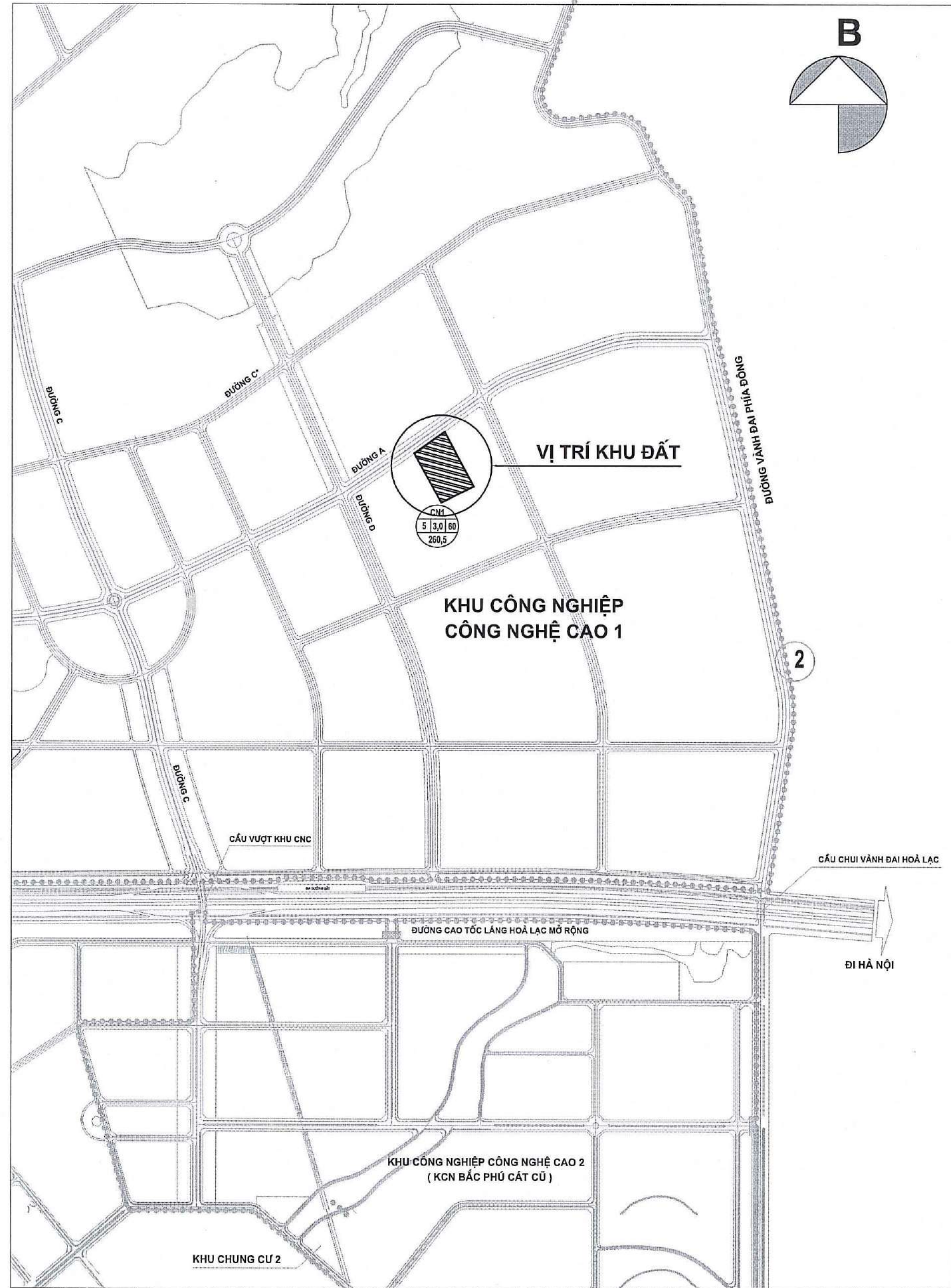
PHẦN I : HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH	: XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC
ĐỊA ĐIỂM	: LÔ CN1-02A.6, KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 1, KHU CNC HOÀ LẠC, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T



HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT TỈ LỆ 1/2000



VỊ TRÍ KHU ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
PHÍA BẮC GIÁP VỚI ĐƯỜNG A
PHÍA NAM GIÁP VỚI LÔ ĐẤT CÔNG TY HANWHA TECHWIN
PHÍA TÂY NAM GIÁP VỚI LÔ ĐẤT CÔNG TY OIC
PHÍA ĐÔNG GIÁP VỚI LÔ ĐẤT NHÀ MÁY HTMP

TỌA ĐỘ CÁC MỐC GIỚI HẠN LÔ ĐẤT

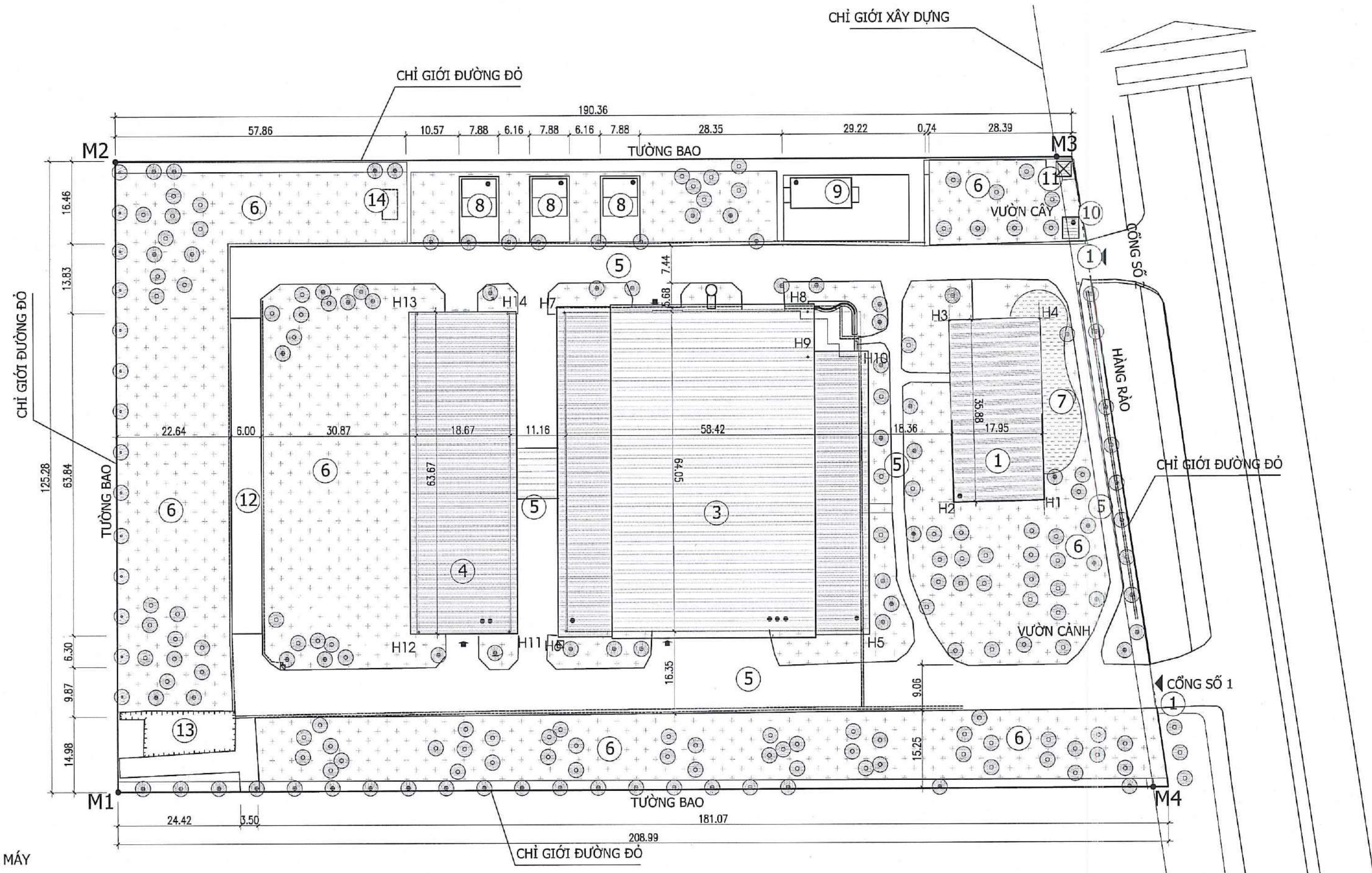
STT	ĐIỂM	TỌA ĐỘ TRỤC OX	TỌA ĐỘ TRỤC OY
1	M1	2323395.69	556509.75
2	M2	2323338.25	556398.48
3	M3	2323504.86	556312.19
4	M4	2323578.55	556414.62

KHU ĐẤT NẰM TRONG PHẠM VI NGHIÊN CỨU LẬP QUY HOẠCH CỎ TỔNG DIỆN TÍCH LÀ 24618.6M2 ĐƯỢC KÝ HIỆU LÀ LÔ CN1-02A.6 KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 1, KHU CNC HÒA LẠC, THẠCH THẮT, HÀ NỘI ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI MỐC M1, M2, M3, M4 VỚI CÁC TỌA ĐỘ NHƯ TRÊN.

CÁC CĂN CỨ:

- CĂN CỨ VÀO LUẬT XÂY DỰNG ĐƯỢC QH CHXHCN VIỆT NAM KHÓA XI KỲ HỌP IV THÔNG QUA NGÀY 18/11/2003
- CĂN CỨ NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2021/NĐ-CP NGÀY 03/03/2021 CỦA CP VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.
- CĂN CỨ QUY CHUẨN ,TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG HIỆN HÀNH.
- CĂN CỨ VÀO BẢN VẼ SỐ LIỆU HẠ TẦNG KỸ THUẬT Ở ĐẤT CN1 VỀ VIỆC CẤP SỐ LIỆU KỸ THUẬT HTKT Ở ĐẤT CN1.
- CĂN CỨ PHÁP LÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT:
 - + HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT SỐ: 06/HĐTD/TL NGÀY 15/09/2006 GIỮA: BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HÒA LẠC - VINACONEX VỚI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO (HPT)
 - + PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KÝ NGÀY 27/05/2015 VÀ PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT SỐ 03/2020/PLHĐ/VCG-HPT NGÀY 13/08/2020 GIỮA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T
 - + GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SỐ VÀO SỐ CẤP GCN CT 10939 KÝ NGÀY 09/11/2020 VÀ SƠ ĐỒ BÀN GIAO ĐẤT
 - + GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ SỐ 3064010417 NGÀY 18/04/2022CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - BAN QUẢN LÝ KCN CAO HÒA LẠC

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY, THÁNG, NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
CÔNG TY	
ĐẠI DIỆN CÔNG TRÌNH	
VỀ VIỆC XÂY DỰNG TỔNG CÔNG NGHỆ HPT CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
H.P.T	
TÊN PHÒNG VÀNG	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÀ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/ĐH/LĐKT/2022 NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
TRÁCH MIỆM HỮU HẠM	
THỦ LƯU MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
RB HÀ NỘI	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	MBVT



- 1 CỐNG NHÀ MÁY
- 2 XƯỞNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001
- 3 XƯỞNG LẮP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 4 XƯỞNG SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 5 ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
- 6 SÂN VƯỜN CẢNH QUAN
- 7 HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
- 8 NHÀ VỆ SINH
- 9 BỂ NƯỚC NGẦM + TRẠM BƠM
- 10 NHÀ BẢO VỆ
- 11 TRẠM BIẾN ÁP
- 12 NHÀ TẠM
- 13 HỒ NƯỚC MƯA
- 14 BỂ NGẦM CHỨA NƯỚC THẢI (24 M3)

ĐẤT CÂY XANH

TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TỈ LỆ 1/500

TỌA ĐỘ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

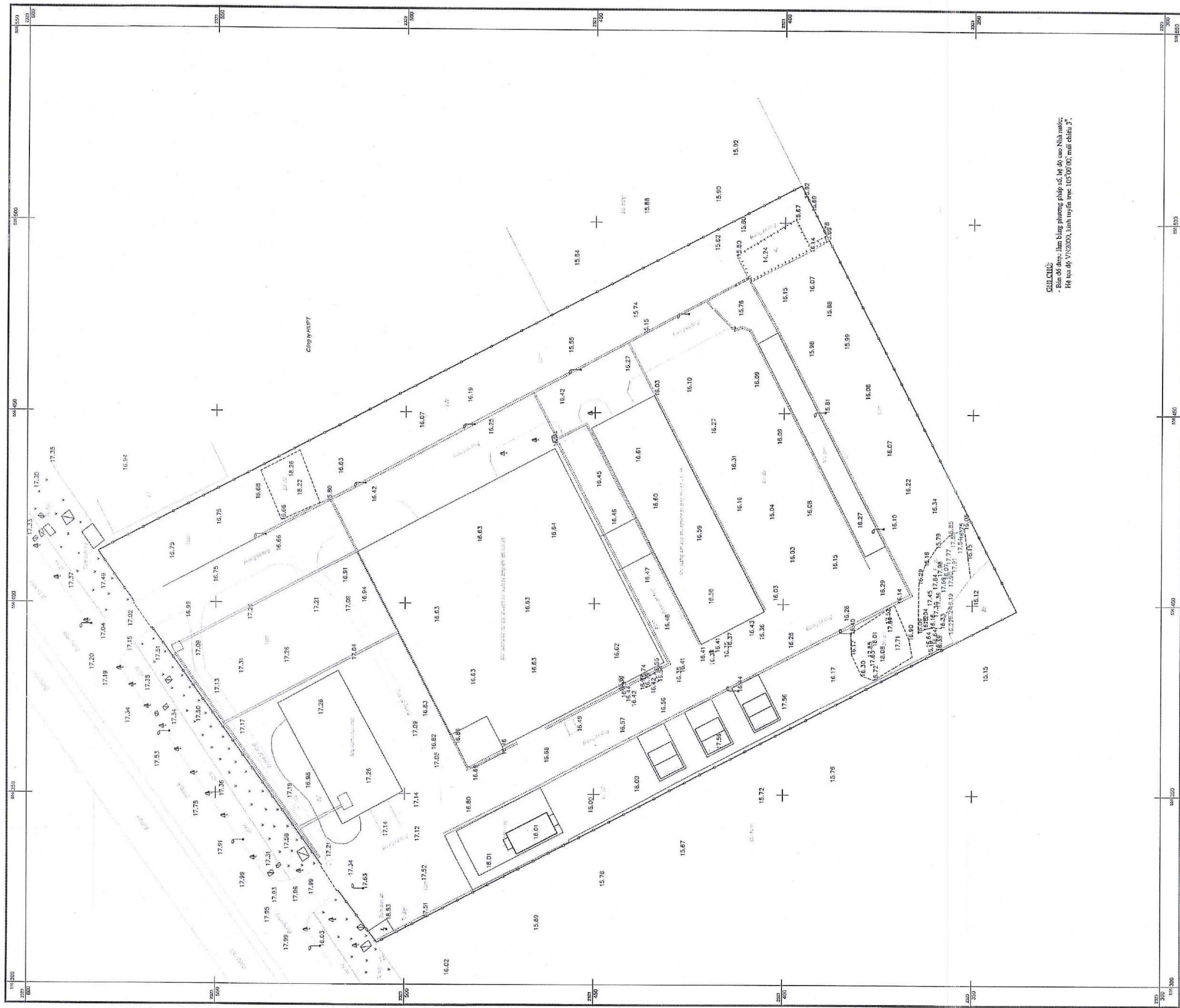
HẠNG MỤC	SỐ HIỆU HẠNG MỤC	MỐC TỌA ĐỘ	TỌA ĐỘ TRỤC OX	TỌA ĐỘ TRỤC OY
XƯỞNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001	2	H1	2323534,1785	556374,5479
		H2	2323514,0587	556385,4262
		H3	2323496,2992	556352,5792
		H4	2323516,4190	556341,7010
XƯỞNG LẮP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ	3	H5	2323512,7147	556413,4084
		H6	2323460,5228	556440,5606
		H7	2323431,4471	556384,6704
		H8	2323474,1246	556362,4684
		H9	2323473,4872	556361,2433
		H10	2323487,7924	556365,5027
XƯỞNG SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ	4	H11	2323450,9764	556445,9152
		H12	2323434,3875	556454,5455
		H13	2323404,9930	556398,0441
		H14	2323421,5825	556389,4136

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT HỢP CÔNG NGHỆ HPT H.P.T KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
TÊN HẠNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CNI-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 0208/HĐKT/2022 NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT SBI	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
TRÁCH NHIỆM HỮU HỮU KẾ TÍNH TOÁN	
THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
PHIÊN BẢN	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-01

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG

CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP LIFT TẠI KHU CÔNG NGHIỆP CAO HÒA LẠC
MỤC ĐÍCH : PHỤC VỤ XD HỒ SƠ QUY HOẠCH TMB, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH VÀ ĐẤU NOI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
ĐỊA ĐIỂM : LÔ CNI-02A.6 KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHIỆP CAO 1, KHU CÔNG NGHIỆP CAO HÒA LẠC, THẠCH THIỆT, HN, VN

TP. HÀ NỘI - HUYỆN THẠCH THẤT



GHỊ CHÚ:
- Bản đồ được làm bằng phương pháp số, hệ độ cao Nhà nước; Hệ tọa độ VIN2009, kinh tuyến trục 105°00'00", mũi chiếu 3°.

TỶ LỆ 1 : 500

1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

Tờ số: 01/01

Đo vẽ : Tháng 10 năm 2022
CƠ QUAN ĐO VẼ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH
VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC

Đo vẽ: Tháng 10 năm 2022

NGUYỄN M.
GIÁM ĐỐC

Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Ngày tháng năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

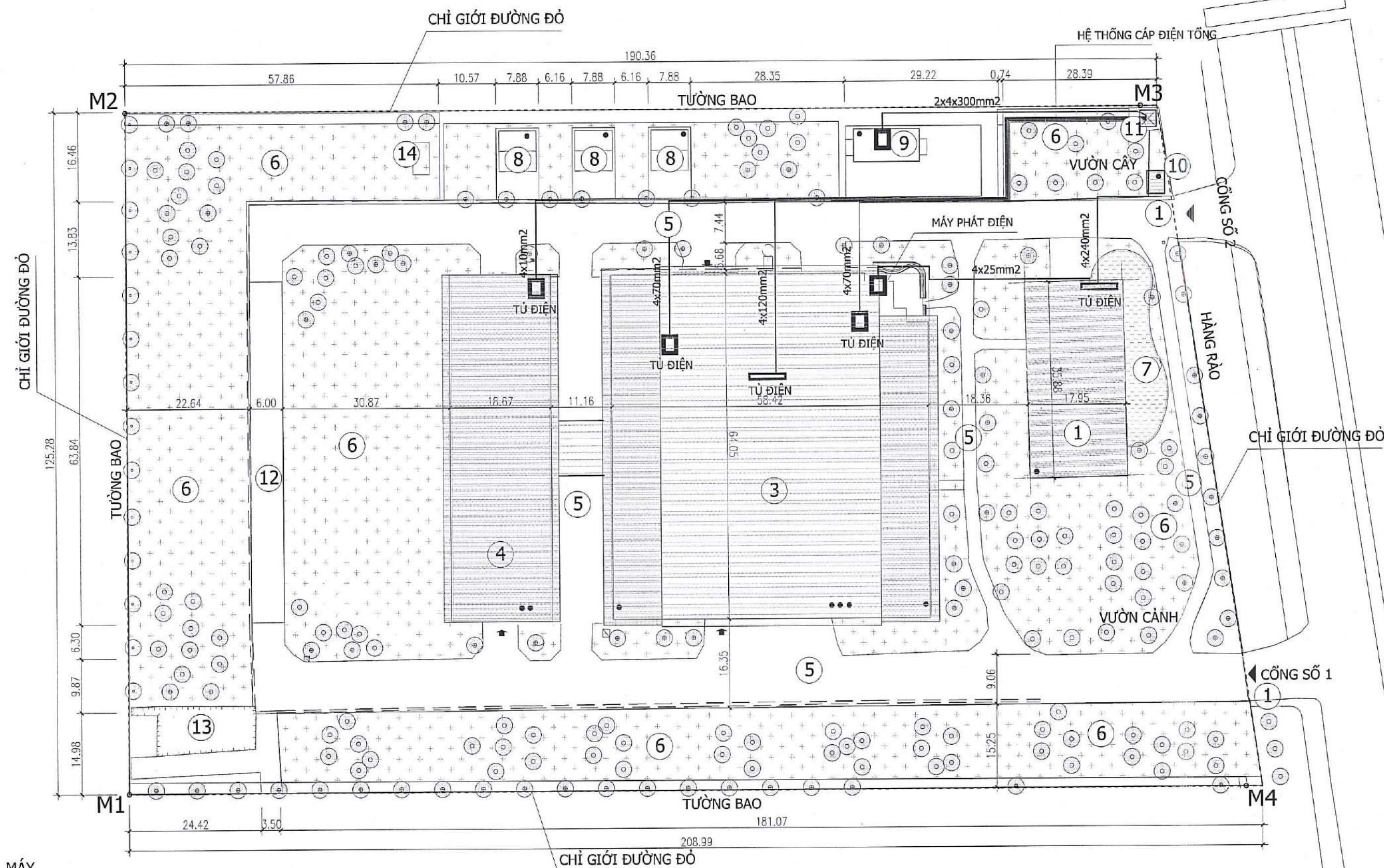
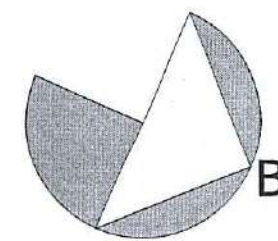
DẤU TƯỢNG CHIẾN ĐÓNG

ĐIỂM ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG NGHỆ ĐÀO TẠO



LƯƠNG QUYNH ANH

100



- 1 CỔNG NHÀ MÁY
- 2 XƯỞNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001
- 3 XƯỞNG LẮP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 4 XƯỞNG SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 5 ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
- 6 SÂN VƯỜN CẢNH QUAN
- 7 HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
- 8 NHÀ VỆ SINH
- 9 BỂ NƯỚC NGẦM + TRẠM BƠM
- 10 NHÀ BẢO VỆ
- 11 TRẠM BIẾN ÁP
- 12 NHÀ TẠM
- 13 HỒ NƯỚC MƯA
- 14 BỂ NGẦM CHỨA NƯỚC THẢI (24 M3)

ĐẤT CÂY XANH

KÝ HIỆU



TỦ ĐIỆN



ĐƯỜNG ĐIỆN

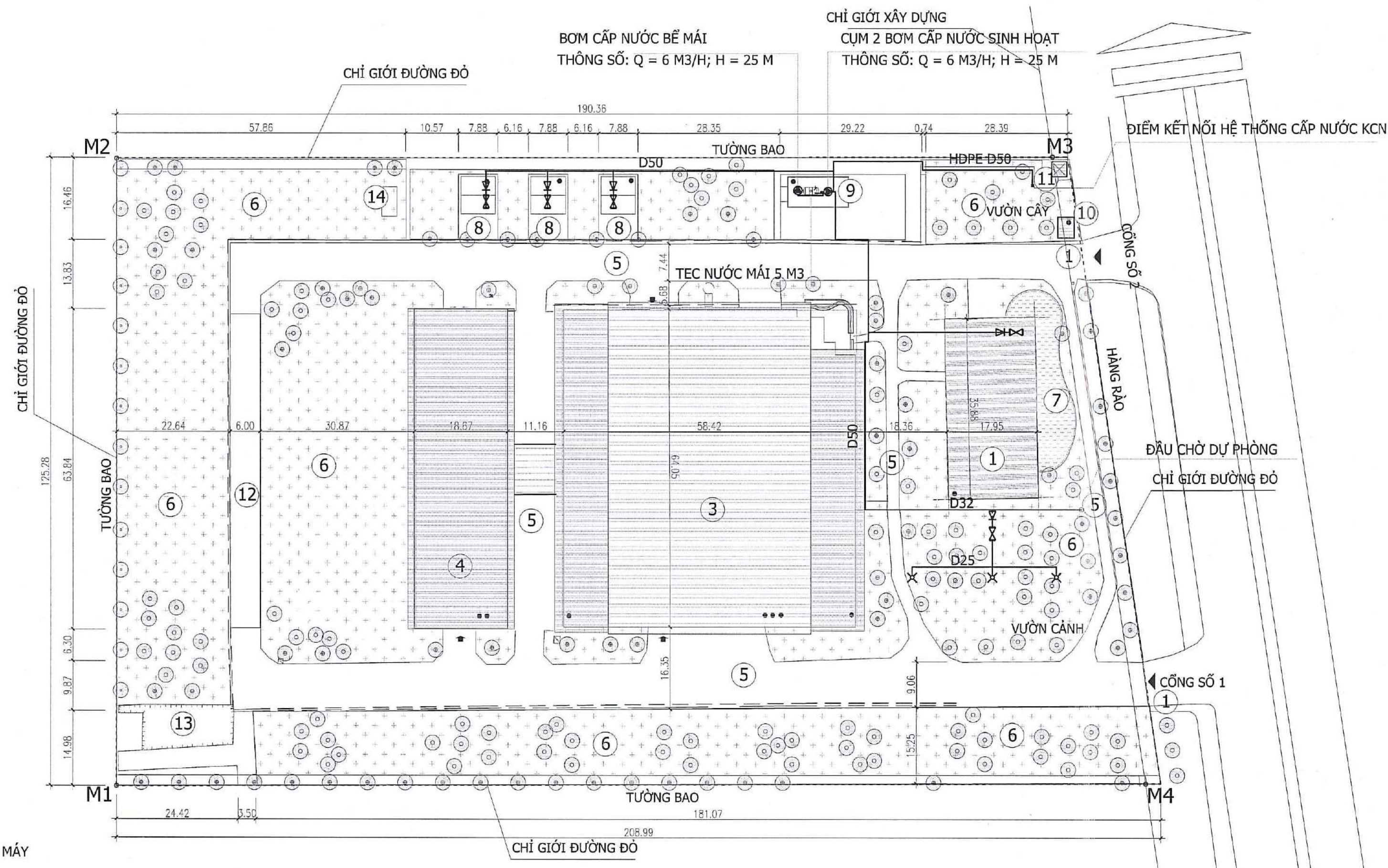
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN HIỆN TRẠNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY	
CHỖ ĐẤU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
CÔNG TY TRẦN HỮU MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ H.P.T	
CÔNG NGÀNH ĐỒNG LỢI HỢP CÔNG NGHỆ H.P.T H. P.T	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CÁN CỐ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/001/0001/2022 NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ H.P.T	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
VĂN PHÒNG: 10 NGUYỄN CỒ THẠCH, QUẬN HÀ NỘI TEL: 091 404 6408 - 090 221 5811 EMAIL: RBHANOI@GMAIL.COM	
CÔNG TY TRẦN HỮU MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ H.P.T	
THS. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRI TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN HIỆN TRẠNG	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-02

- 1 CỐNG NHÀ MÁY
2 XƯỜNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001
3 XƯỜNG LẮP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
4 XƯỜNG SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
5 ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
6 SÂN VƯỜN CẢNH QUAN
7 HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
8 NHÀ VỆ SINH
9 BỂ NƯỚC NGẦM + TRẠM BƠM
10 NHÀ BẢO VỆ
11 TRẠM BIẾN ÁP
12 NHÀ TẠM
13 HỒ NƯỚC MƯA
14 BỂ NGẦM CHỨA NƯỚC THẢI (24 M3)

ĐẤT CÂY XANH

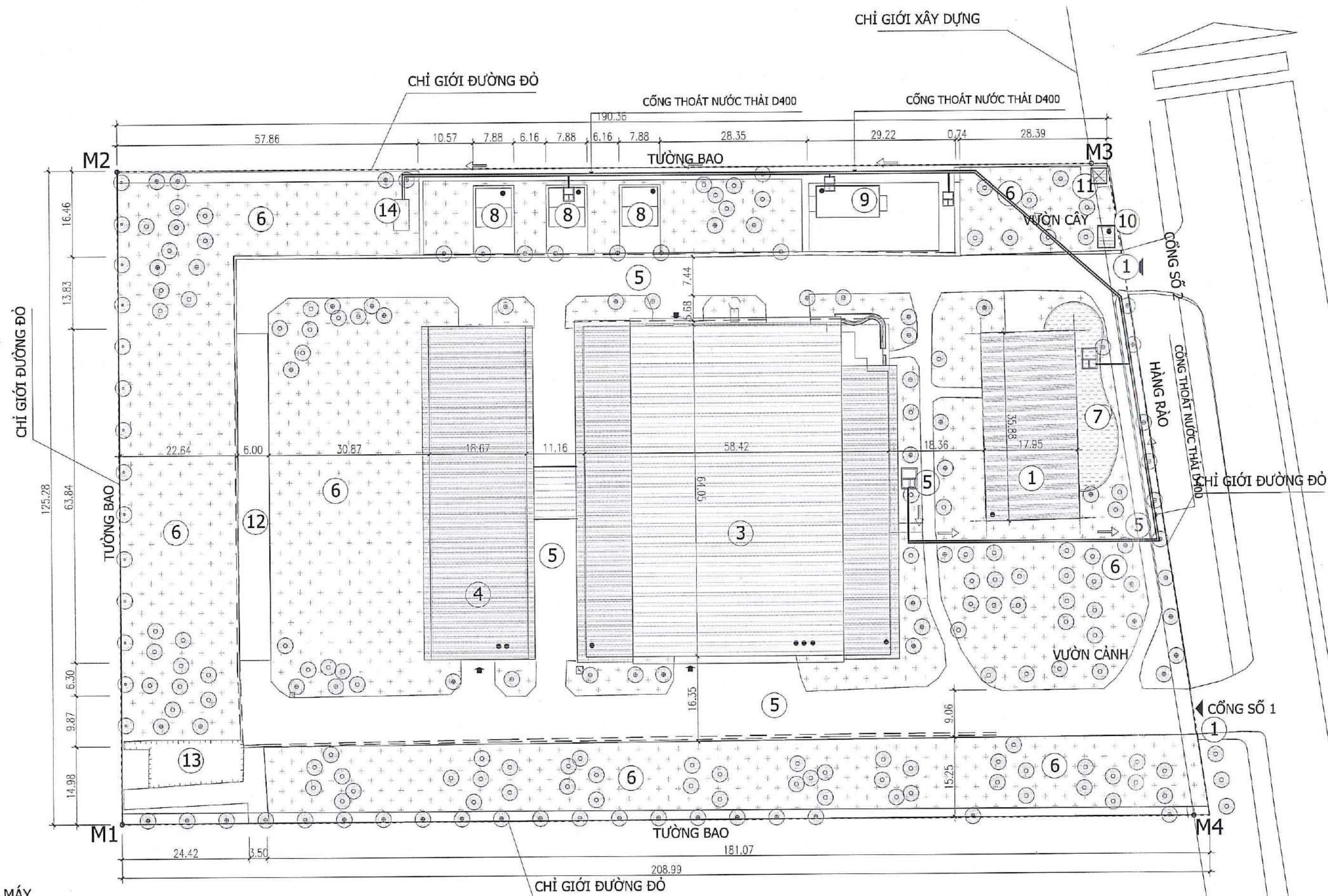
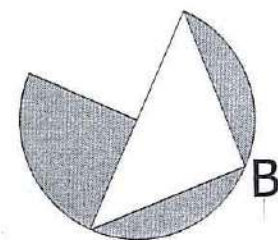
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG



KÝ HIỆU

- VAN MỘT CHIỀU
— VAN KHÓA
— VAN KHÓA KÈM VAN PHẠO CƠ
— ĐẦU PHUN TƯỚI CÂY TỰ ĐỘNG
— ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
— BƠM NƯỚC SINH HOẠT
— TEC NƯỚC MÁI

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY THÁNG NĂM	
CHỖ ĐÁU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
CÔNG NGHỆ MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
VẬT LIỆU MỚI VÀ	
CÔNG NGHỆ MỚI	
H.P.T	
XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT	
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
TÊN HÀNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CNI-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,	
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
LIÊN DANH RB - SBI	
CÁN BỘ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/03H/01/01/2022	
NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT	
TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
VÀ HỢP TÁC KỸ THUẬT SBI	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
VÀ HỢP TÁC KỸ THUẬT SBI	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
VÀ HỢP TÁC KỸ THUẬT SBI	
RB HÀ NỘI	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ MÀU:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG	
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC HIỆN TRẠNG	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-03



- 1 CỐNG NHÀ MÁY
- 2 XƯỞNG ĐIỀU CHẾ HÓA CHẤT HPT-2001
- 3 XƯỞNG LẮP RÁP DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 4 XƯỞNG SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ CỐT LIỆU KHÍ
- 5 ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ
- 6 SÂN VƯỜN CẢNH QUAN
- 7 HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
- 8 NHÀ VỆ SINH
- 9 BỂ NƯỚC NGẦM + TRẠM BƠM
- 10 NHÀ BẢO VỆ
- 11 TRẠM BIẾN ÁP
- 12 NHÀ TẠM
- 13 HỒ NƯỚC MƯA
- 14 BỂ NGẦM CHỨA NƯỚC THẢI (24 M3)

ĐẤT CÂY XANH

CHI TIẾT BỂ PHỐT ĐIỂN HÌNH



KÝ HIỆU

- ĐƯỜNG - BÃI
- ĐẤT CÂY XANH
- DANH GIỚI KHU ĐẤT
- CỐNG THOÁT NƯỚC NGẦM
- RÃNH THOÁT NƯỚC MẶT
- RÃNH NGẦM THOÁT NƯỚC THẢI
- HỒ GA THU NƯỚC
- BỂ TỰ HOẠI

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
NGÀY THÁNG NĂM

TRÁCH NHIỆM
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẬT LIỆU MỚI VÀ
CÔNG NGHỆ CAO
HPT CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

TÊN HẠNG MỤC
TỔNG MẶT BẰNG

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
LIÊN DANH RB - SBI

CĂN CỨ HỢP ĐỒNG CÔNG LƯU DANH THIẾT KẾ SỐ 03/05/HĐKT/2022
HẸM 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT
TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT SBI

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
& PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI

TRÁCH NHIỆM HỮU THIẾT KẾ: KTS. TRẦN HỮU THÔNG
THƯƠNG MẠI: MẠNH BÙI HỒ ĐỒ SỬA LẠI

TH. K. S. NGUYỄN CÔNG ĐỨC

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KTS. TRẦN HỮU THÔNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU: KTS. TRẦN TRÍ TÂM

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC: KTS. PHẠM THANH TÙNG

THIẾT KẾ M&E: KTS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: THS. K. S. NGUYỄN CÔNG ĐỨC

TÊN BẢN VẼ
TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG
THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ
PHÊ DUYỆT TMB

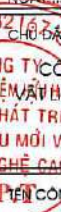
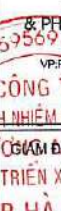
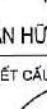
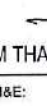
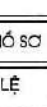
TỈ LỆ
BẢN VẼ

1/500
TT-04



- | | |
|---|----------------------|
|  | ĐƯỜNG - BÃI |
|  | ĐẤT CÂY XANH |
|  | DANH GIỚI KHU ĐẤT |
|  | CỔNG THOÁT NƯỚC NGẦM |
|  | RÃNH THOÁT NƯỚC MẶT |
|  | NẮP RÃNH THOÁT NƯỚC |
|  | HỐ GA THU NƯỚC |
|  | BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI |

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN TRẠNG

CƠ QUAN PHÉP DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HỒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ _____	
NGÀY _____	THÁNG _____ NĂM _____
	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ CAO HỒA LẠC TÊN CÔNG TY: _____ XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HỒA LẠC	
TÊN HÀNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HỒA LẠC VÀ CÁC BẢNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/03/HĐDKT/2 NGÀY 02/03/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ SBI	
DẠY DIỄN LÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI V.P.T. 100, 42/100 Đ. CÁCH MẠNG 3/10/1945 HÀ NỘI TEL: (91) 024 3648 4000 FAX: (91) 024 3648 4001 EMAIL: P.T.100@RB.COM.VN	
	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC CHỮ CHỮ THỰC KẾ: 	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU: 	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC: 	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ MÀM: 	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: 	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG & THỐNG THOÁT NƯỚC MUA HIỆN TRẠNG	
BỘ HỒ SƠ	PHÉP DUYỆT TMB
TÌ LỆ	1/600
BẢN VẼ	TT-05

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI

VP: P.1304, A2 NGUYỄN CƠ THẠCH, Q.TỪ LIÊM - TP.HÀ NỘI

TEL: 091.604.6408 - 090.221.5511 - EMAIL:RBHANOIXD@GMAIL.COM



PHẦN II: ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH

HÀ NỘI, NĂM 2022

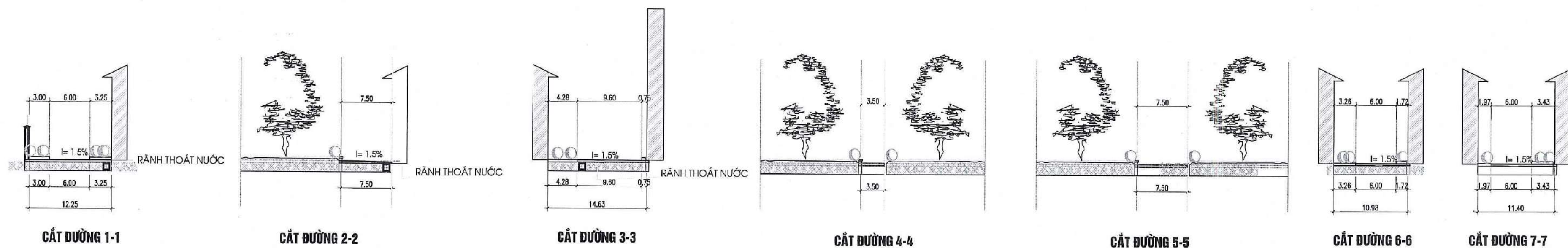
CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC

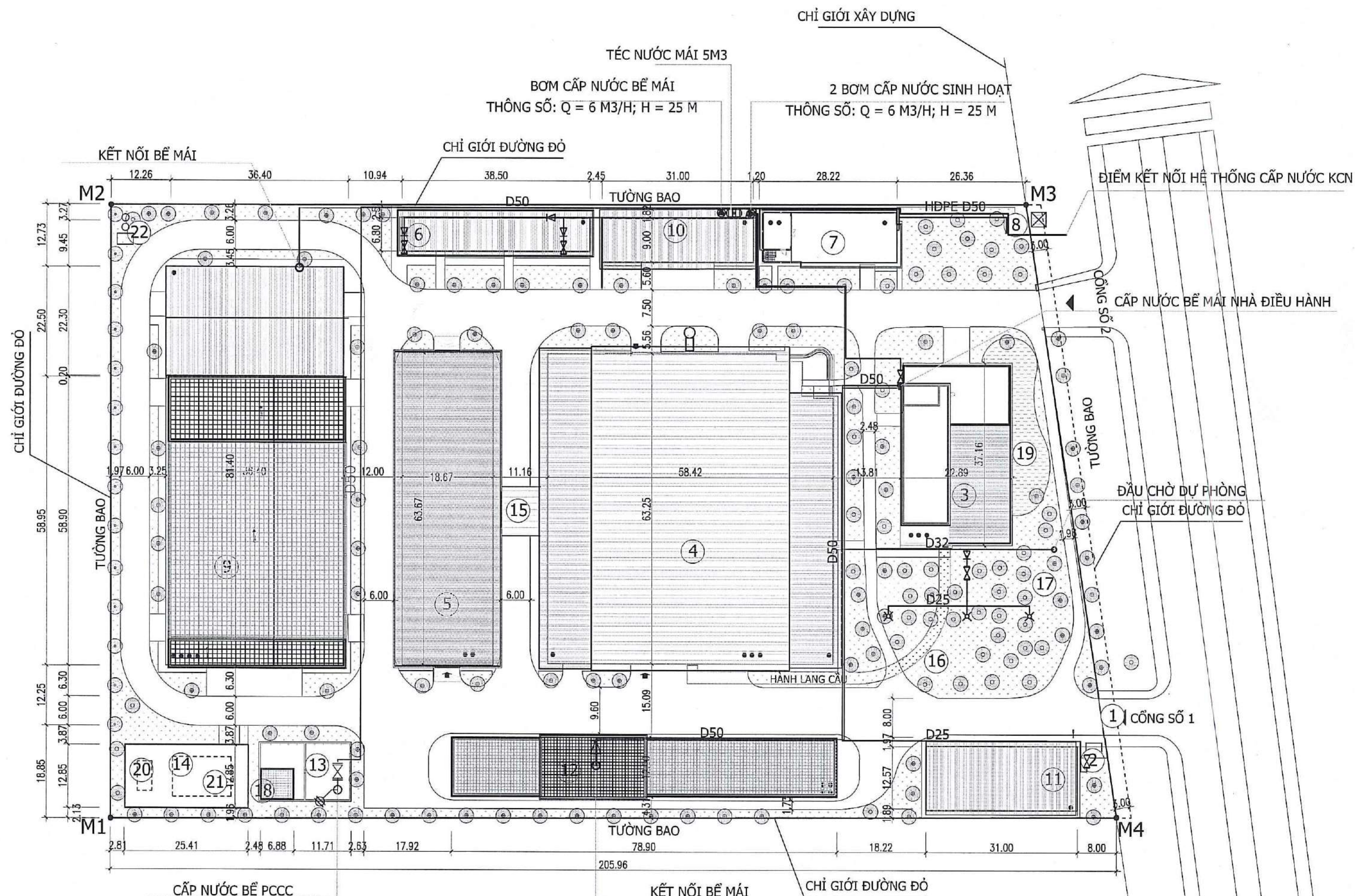
ĐỊA ĐIỂM : LÔ CN1-02A.6, KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 1, KHU CNC HOÀ LẠC, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T



HẠNG MỤC: TỔNG MẶT BẰNG





KÝ HIỆU

ĐẤT CÂY XANH

CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ

B

GHI CHÚ:

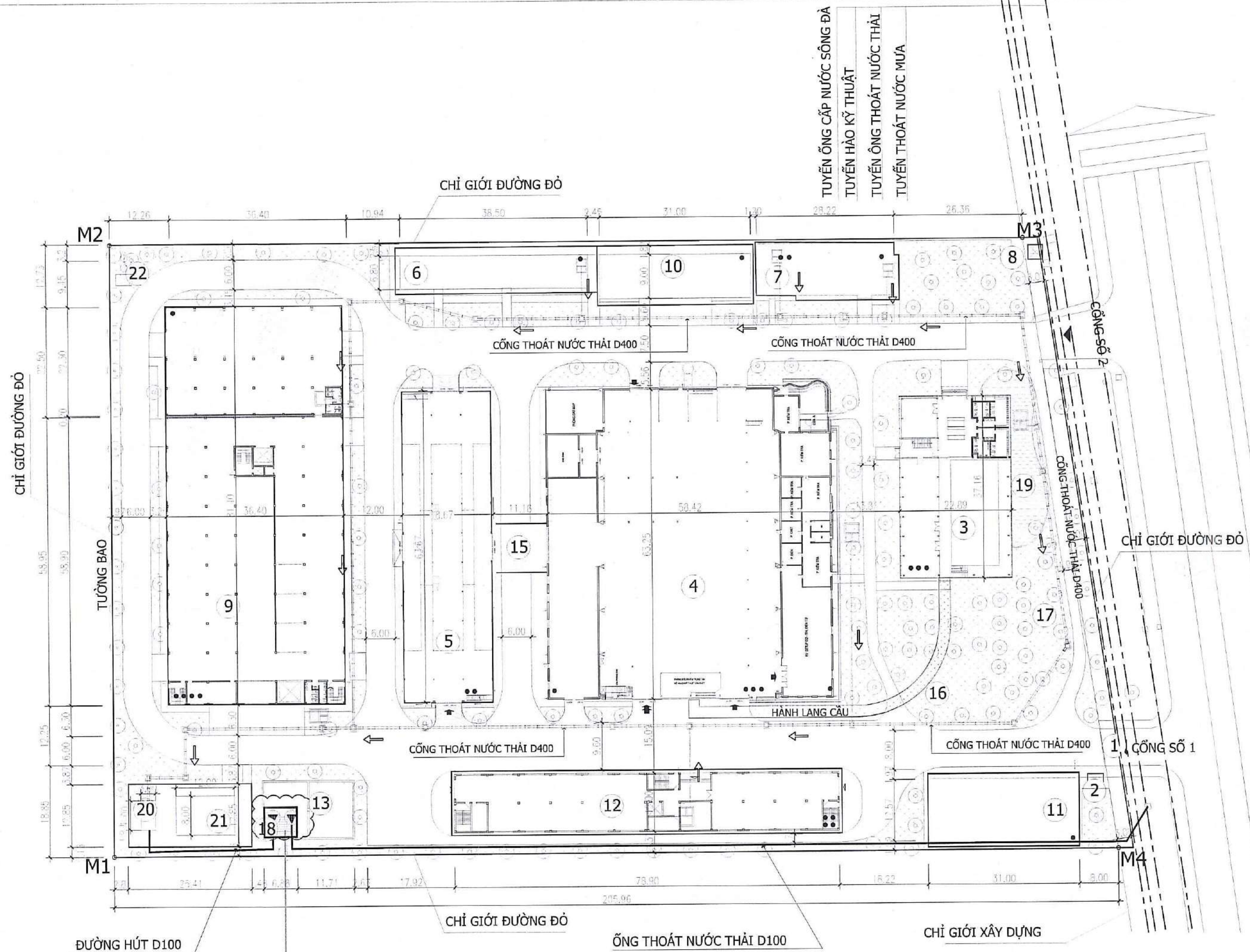
- 1 CỐNG TƯỜNG RÀO
- 2 NHÀ BẢO VỆ
- 3 NHÀ ĐIỀU HÀNH
- 4 NHÀ XƯỞNG SỐ 1
- 5 NHÀ XƯỞNG SỐ 2
- 6 NHÀ PHỤC VỤ CÔNG NHÂN
- 7 NHÀ CANTEEN
- 8 TRẠM BIẾN ÁP
- 9 NHÀ XƯỞNG SỐ 3
- 10 NHÀ ĐỂ XE TẢI-XE NẶNG
- 11 NHÀ ĐỂ XE
- 12 TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CNC
- 13 BỂ NƯỚC PCCC
- 14 KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI
- 15 MÁI NỐI NHÀ XƯỞNG 1 & 2
- 16 HÀNH LANG CẦU
- 17 VƯỜN CẢNH
- 18 PHÒNG BƠM
- 19 HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
- 20 BỂ THOÁT NƯỚC THẢI (36 M3)
- 21 BỂ THOÁT NƯỚC MƯA (240 M3)
- 22 CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI XƯỞNG ĐÁ

TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỈ LỆ 1/500

KÝ HIỆU

- | | | | |
|--|---------------------|--|------------------------|
| | TỦ ĐIỆN | | ĐƯỜNG - BÃI BÊ TÔNG |
| | ĐƯỜNG ĐIỆN | | ĐẤT CÂY XANH |
| | ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC | | CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 1 |
| | BƠM NƯỚC SINH HOẠT | | CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2 |
| | TÉC NƯỚC MÁI | | DANH GIỚI KHU ĐẤT |
| | RẦNH THOÁT NƯỚC MẶT | | CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI |
| | | | HỒ GA THU NƯỚC |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ	
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY, THÁNG, NĂM	
TÊN HẠNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CMT-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,	
XÃ HÀ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/08/01/07/2022	
NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT	
TRIỂN XÂY DỰNG HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
VÀ HỖ TÀI KỸ THUẬT SBI	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	
& PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
TRÁCH NHIỆM HỮU HỮU	
THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG	
HÀ NỘI	
THS: KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC THỐNG THỂ	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-04

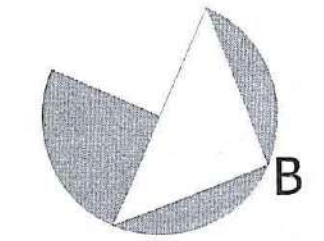


KÝ HIỆU

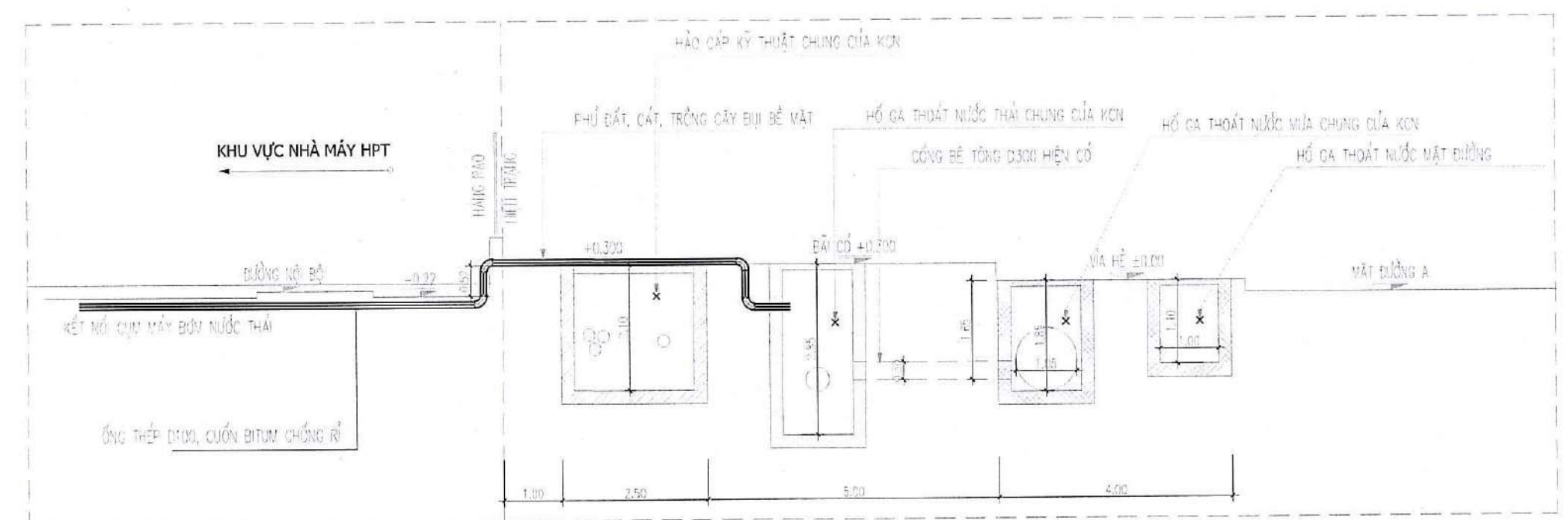
- ĐẤT CÂY XANH
- CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 1
- CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI
- HỒ GA THU NƯỚC

GHI CHÚ:

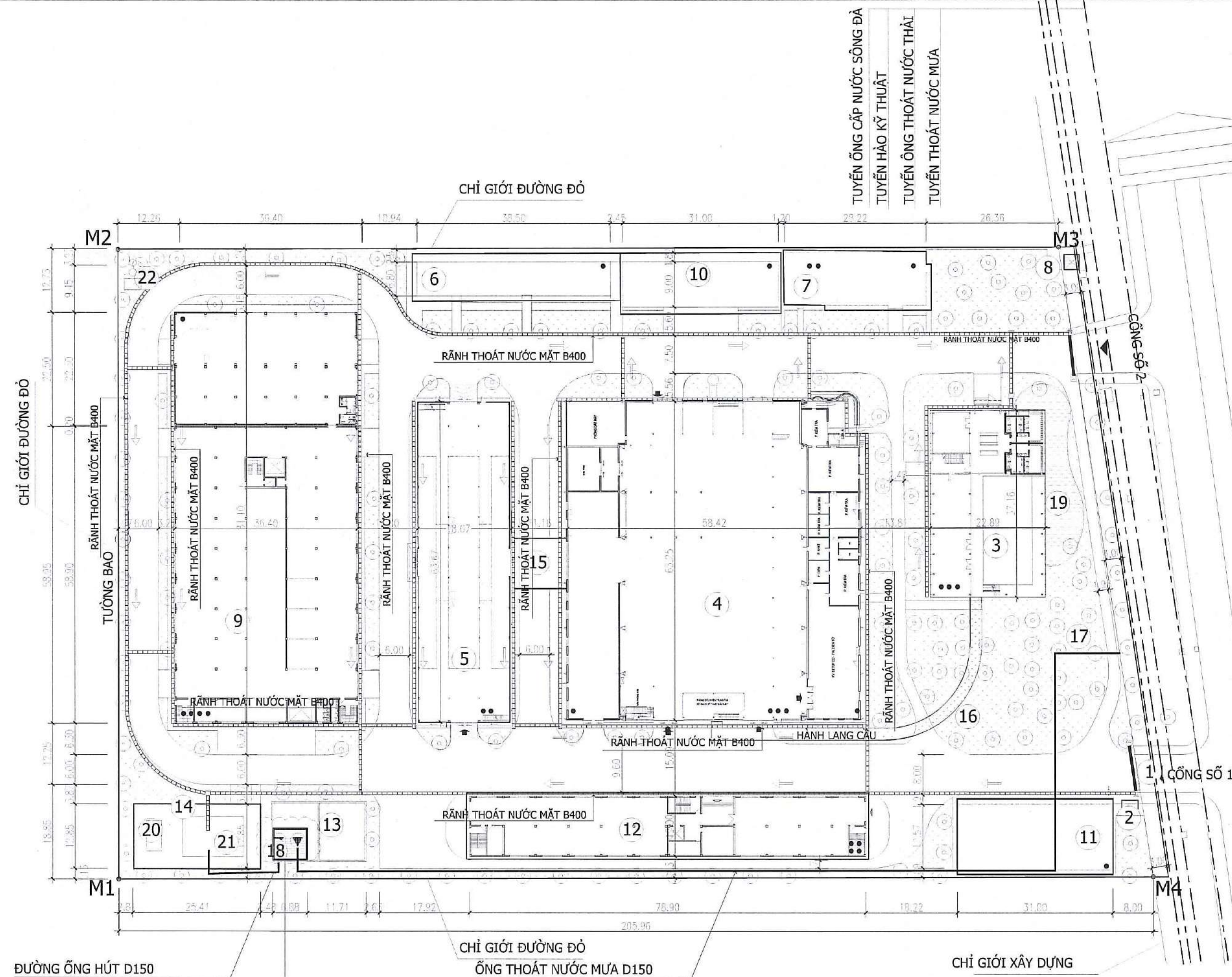
- CỔNG TƯỜNG RÀO
- NHÀ BẢO VỆ
- NHÀ ĐIỀU HÀNH
- NHÀ XƯỞNG SỐ 1
- NHÀ XƯỞNG SỐ 2
- NHÀ PHỤC VỤ CÔNG NHÂN
- NHÀ CANTEEN
- TRẠM BIẾN ÁP
- NHÀ XƯỞNG SỐ 3
- NHÀ ĐỂ XE TẢI-XE NẶNG
- NHÀ ĐỂ XE
- TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CNC
- BỂ NƯỚC PCCC
- KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI
- MÁI NỔI NHÀ XƯỞNG 1 & 2
- HÀNH LANG CẦU
- VƯỜN CẢNH
- HỒ NƯỚC CẢNH QUAN
- PHÒNG BƠM CHỮA CHÁY + PHÒNG BƠM THOÁT NƯỚC THẢI
- BỂ THOÁT NƯỚC THẢI (36 M3)
- BỂ THOÁT NƯỚC MƯA (240 M3)
- CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI XƯỞNG ĐÁ



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ...	
NGÀY: ...	
CHỖ ĐÁNH DẤU VÀ CHỮ KÝ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO	
TÊN HẠNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HÀ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/08/HĐKT/2022 NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT SBI	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
M.S.Đ. 0105958917 - Công ty TNHH Thương mại và Phát triển xây dựng RB Hà Nội	
TH. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỮ KÝ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRI TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-05



TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỈ LỆ 1/500



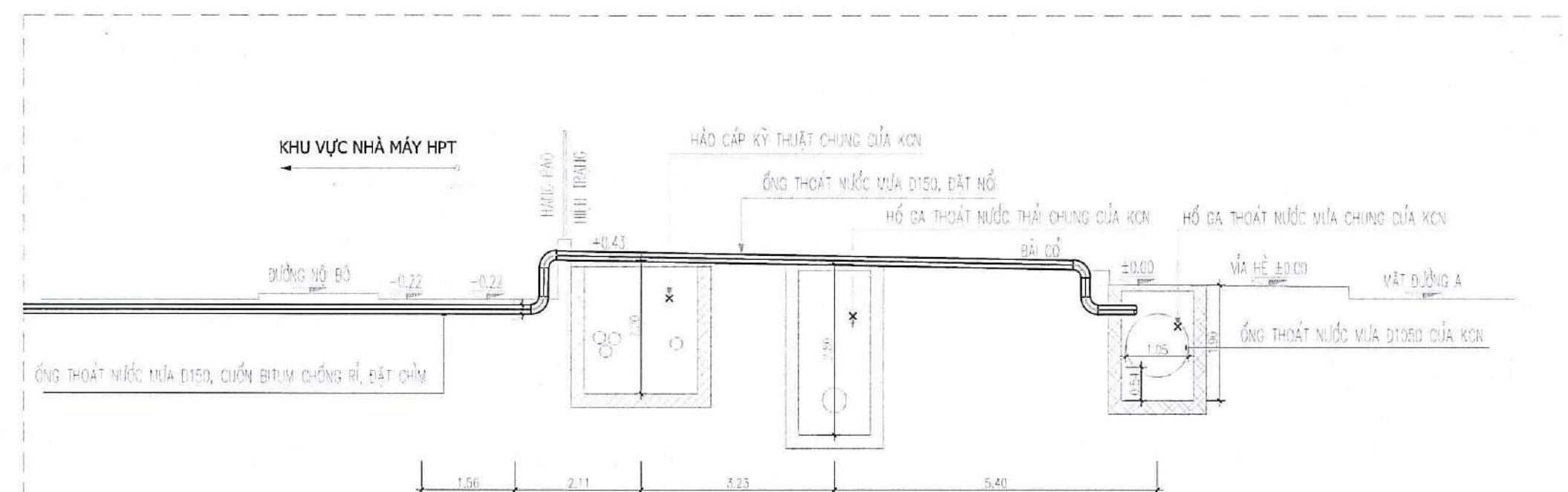
KÝ HIỆU

- ĐẤT CÂY XANH
- CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 1
- CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- NẮP GANG RÃNH THOÁT NƯỚC MẶT
- HỒ GA THU NƯỚC

GHI CHÚ:

- CỔNG TƯỜNG RÀO
- NHÀ BẢO VỆ
- NHÀ ĐIỀU HÀNH
- NHÀ XƯỞNG SỐ 1
- NHÀ XƯỞNG SỐ 2
- NHÀ PHỤC VỤ CÔNG NHÂN
- NHÀ CANTEEN
- TRẠM BIẾN ÁP
- NHÀ XƯỞNG SỐ 3
- NHÀ ĐỂ XE TẢI-XE NẶNG
- NHÀ ĐỂ XE
- TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CNC
- BỂ NƯỚC PCCC
- KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI
- MÁI NỔI NHÀ XƯỞNG 1 & 2
- HÀNH LANG CẦU
- VƯỜN CẢNH
- HỒ NƯỚC CẢNH QUAN

- PHÒNG BƠM CHỮA CHÁY + PHÒNG BƠM THOÁT NƯỚC
- BỂ THOÁT NƯỚC THẢI (36 M3)
- BỂ THOÁT NƯỚC MƯA (240 M3)
- CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI XƯỞNG ĐÁ



MẶT CẮT NGANG CAO TRÌNH DỰ KIẾN ĐẦU NỔI NƯỚC MƯA

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỈ LỆ 1/500

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 032167-CT/2022	
NGÀY: 28/08/2022, NĂM: 2022	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
TÊN HẠNG MỤC	
TỔNG MẶT BẰNG	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-S, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/2024/HĐ/LĐT/2022	
NGÀY 02/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ HÀ TĂNG KỸ THUẬT	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ: KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
PHẠM THẠCH TÙNG	
THS. K.S. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
K.S. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
K.S. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
K.S. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:	
THS. K.S. NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	TT-06



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
NGÀY THÁNG NĂM

TÊN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T
TÊN CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

TÊN HẠNG MỤC
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ

ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH
LÔ CNI-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
LIÊN DANH RB - SBI
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/08/HĐKT/2023
NGÀY 08/08/2023 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT
TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH
VÀ HÀ SÁNG KỸ THUẬT SBI

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI
VP: 130/1, 42 NGUYỄN CỐ HẠCH, Q. T. L. HÀ NỘI
TEL: 0944.61.018 - 096.321.5811
EMAIL: SBH@KONDO.COM.VN

THỦ LƯU: VÀ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
RB HÀ NỘI
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ:
KTS. TRẦN HỮU THÔNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU:
KS. TRẦN TRÍ TÂM

THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:
KS. PHẠM THANH TÙNG

THIẾT KẾ M&E:
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC

TÊN BẢN VẼ
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 01

BỘ HỒ SƠ
PHÊ DUYỆT TMB

TỈ LỆ
1/500

BẢN VẼ
PC-01



CƠ QUAN PHÊ DUYẾT	
BAN QUẢN LÝ	
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY	THÁNG
NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.T	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.T	
H.T	
XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT	
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
TÊN HÀNG MỤC	
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CNH-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,	
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	
LIÊN DANH RB - SBI	
CÁN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/2019/ĐKT/2022	
HỌ TÊN CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT	
TRIEÂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH	
VÀ HÀ LÃNG KỸ THUẬT SBI	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN	
THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
RB HÀ NỘI	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỮ TRƯ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 02	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYẾT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	PC-02



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
NGÀY THÁNG NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HPT TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
TÊN HÀNG MỤC	
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CNI-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/08/HĐKT/2022 NGÀY 08/08/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
ĐẠI DIỆN LIÊN DANH:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI (MÃ SỐ ĐĂNG KÝ: 0315310001) (MÃ SỐ QUÂN QUẢN: 0315310001)	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
PHỐI CẢNH TỔNG THỂ 03	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/500
BẢN VẼ	PC-03

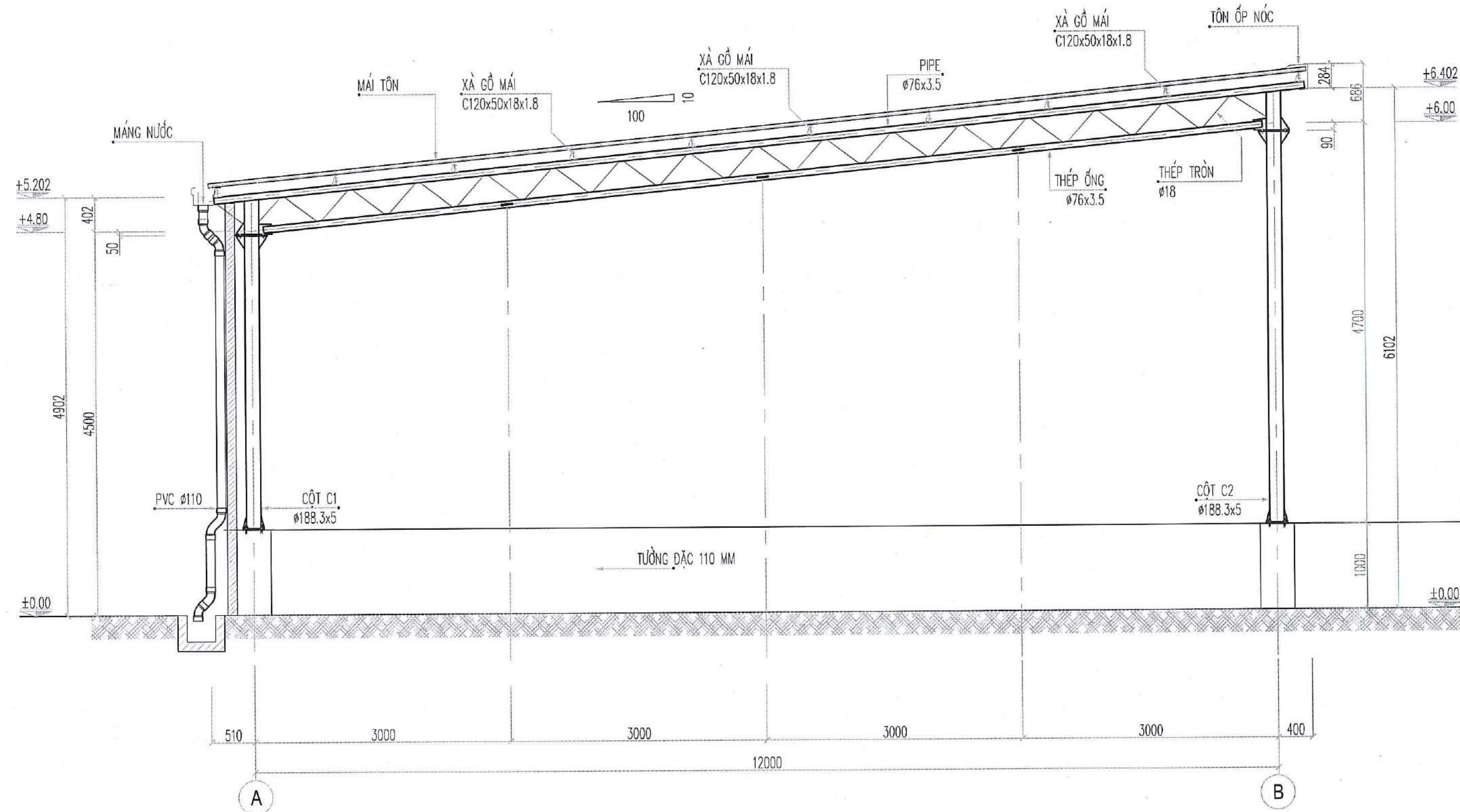


HẠNG MỤC SỐ 14: KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI

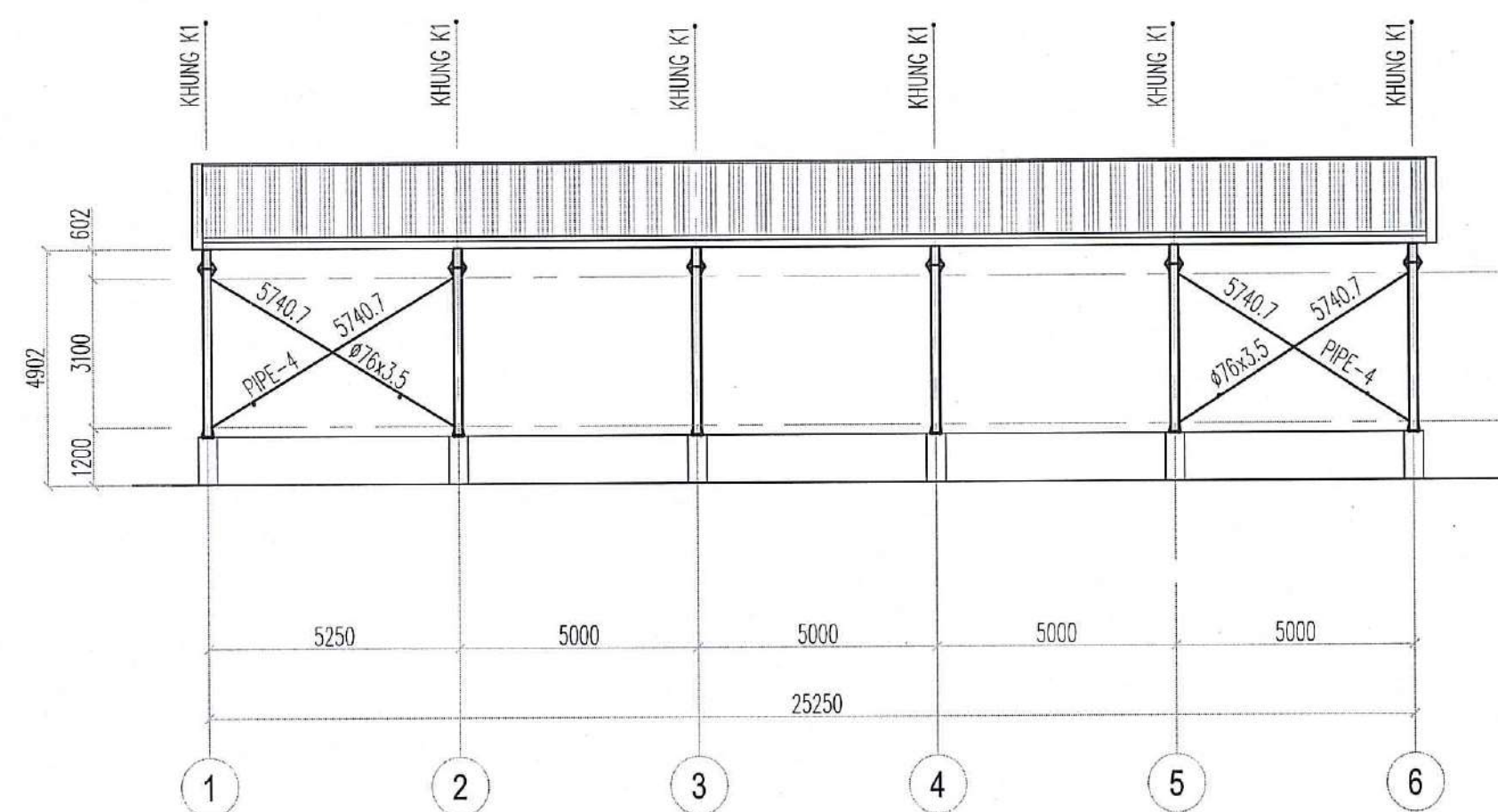


- CAO ĐỘ ± 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CAO ĐỘ MẶT SÂN ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- DIỆN TÍCH SÀN: 1426M²

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ	
Hôm nay	Tháng Năm
XÉT CHẤP DANH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIÊU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.T.P.T	
TÊN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TỔ HỢP CÔNG NGHỆ HT TAI KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC	
TÊN HÀNG MỤC KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH LÔ CĐT-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HOÀ LẠC, XÃ HÀ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẤT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 02/SB-HLD/KT/2023 NGÀY 02/06/2023 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIÊU MỚI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ VẬT LIÊU MỚI THUẬN NHÌN	
DAT DIỄN DANH: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CON & PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VP: 1302, NGUYỄN CỜ KHÁCH, Q. TUYÊN HÒA TEL: 0194 8426... 70 231 6811 EMAIL: THANHONG@SBI.ME.VN	
 THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: KTS. TRẦN HỮU THÔNG THIẾT KẾ KẾT CẤU: KS. TRẦN TRÍ TÂM THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC: KS. PHẠM THANH TÙNG THIẾT KẾ MẪU: KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ MẶT BẢNG CỎ ĐỘ +/- 0.00 MẶT BẢNG MÀI	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT TMB
TỈ LỆ	1/50
BẢN VẼ	KT-01

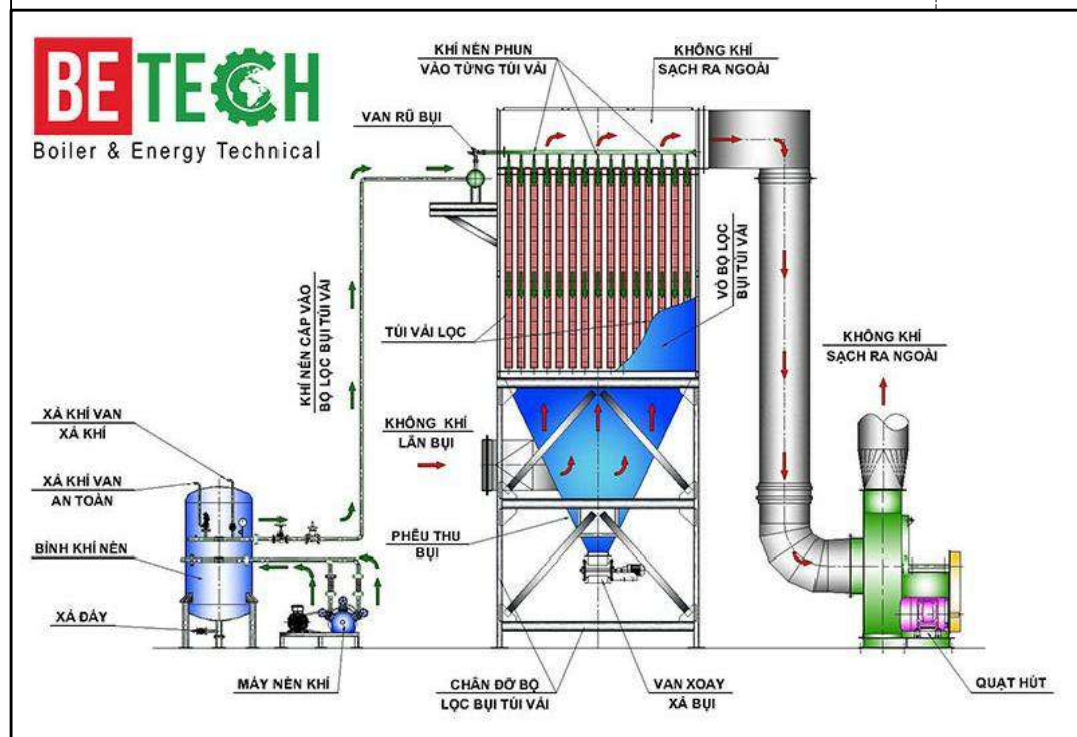
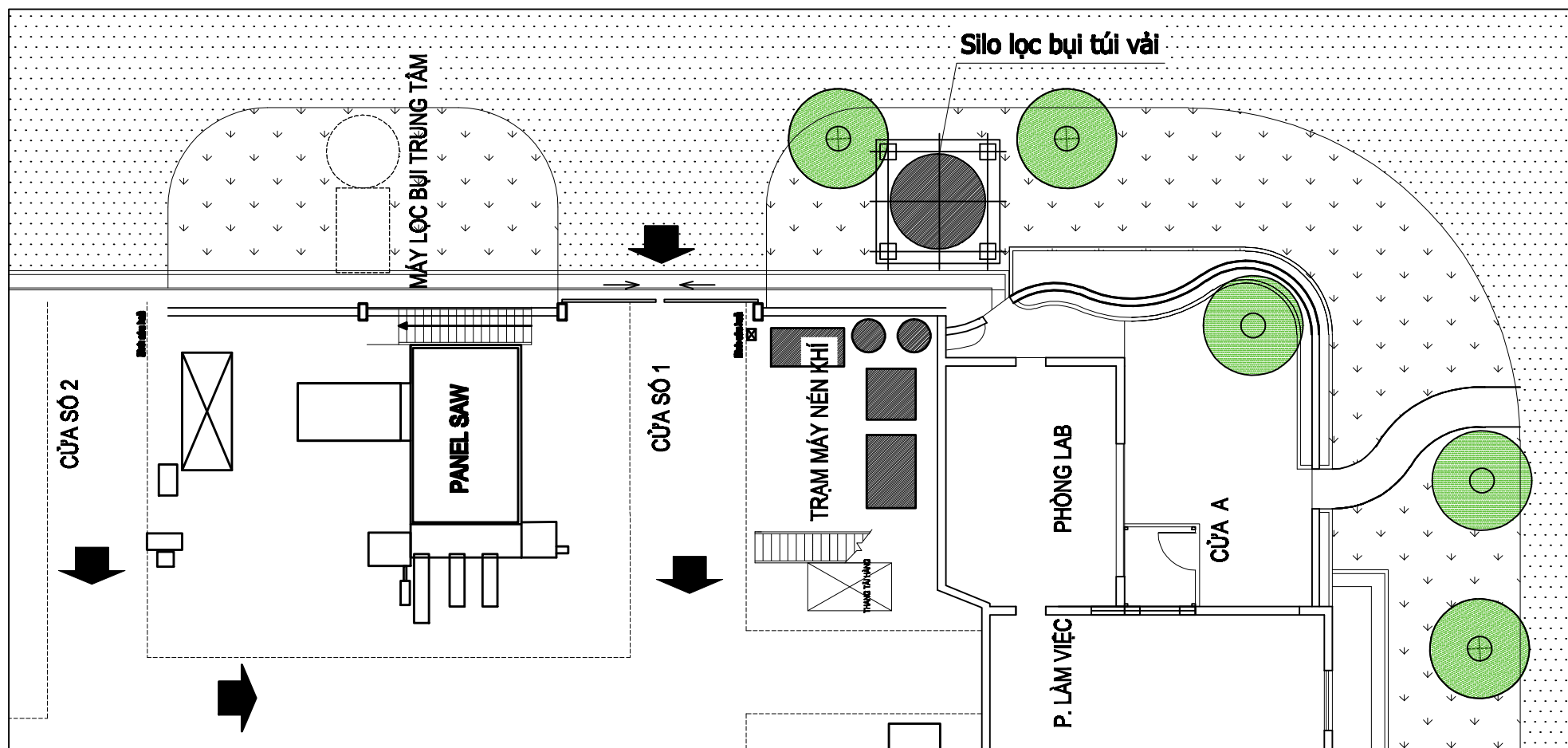


MẶT CẮT 1-1



MẶT ĐỨNG TRỤC 1-6

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	
BAN QUẢN LÝ	
KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC	
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: _____	
NGÀY: ____ THÁNG ____ NĂM ____	
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	
VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
TÊN HẠNG MỤC	
KHU PHÂN LOẠI RÁC THẢI	
ĐỊA ĐIỂM CÔNG TRÌNH	
LÔ CN1-02A-6, KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC,	
XÃ HẠ BẮNG, HUYỆN THẠCH THẮT, TP. HÀ NỘI	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
LIÊN DANH RB - SBI	
CĂN CỨ HỢP ĐỒNG LIÊN DANH THIẾT KẾ SỐ 00/MEL/DVT/2022	
NGÀY 02/04/2022 GIỮA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT	
TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI VÀ CÔNG TY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ	
VẬT LIỆU MÔI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
VĂN PHÒNG SỐ 10/01/01	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI	
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG RB HÀ NỘI	
HƯỚNG TÍN ĐỨC VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
VĂN PHÒNG SỐ 10/01/01	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
KTS. TRẦN HỮU THÔNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU:	
KS. TRẦN TRÍ TÂM	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT NƯỚC:	
KS. PHẠM THANH TÙNG	
THIẾT KẾ M&E:	
KS. NGUYỄN ĐỨC TUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
THS. KS NGUYỄN CÔNG ĐỨC	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT CẮT 1-1	
MẶT ĐỨNG TRỤC 1-15	
BỘ HỒ SƠ	PHÊ DUYỆT IMB
TỈ LỆ	1/50
BẢN VẼ	KT-02



MẶT BẰNG BỐ TRÍ CHI TIẾT HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN RC	NGÀY SỬA REV. DATE	NỘI DUNG SỬA REVISION CONTENT
--------	--------------------	-------------------------------

CÔNG TRÌNH - PROJECT

XÂY DỰNG TỔ HỢP PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
VẬT LIỆU MỚI VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CAO
TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC

HẠNG MỤC - ITEMS

TỔNG MẶT BẰNG

ĐỊA CHỈ - ADDRESS

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI
VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T

TU VẤN THIẾT KẾ

VIENDONG INVEST
CÔNG TY CỔ PHẦN
VIENDONG.INVEST
ĐỊA CHỈ: SỐ 58 - PHỐ TRÚC KHÉ
ĐÔNG ĐÀ - HÀ NỘI
ĐT: 04 22 211 311 - FAX: 04 22 211 088

P. TỔNG GIÁM ĐỐC / VICE GENERAL DIRECTOR

TRẦN QUỐC BẢO

CHỦ TRÌ / DESIGNER-IN-CHIEF

ĐẶNG THẾ TRƯỜNG

THIẾT KẾ / DESIGNER

NGUYỄN LƯƠNG PHONG

VẼ / DRAWER

NGUYỄN LƯƠNG PHONG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT / TECHNIQUE MANAGER

ĐÀO VIỆT LINH

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG BỐ TRÍ
HỆ THỐNG LỌC BỤI

TỶ LỆ SCALE

1/...

NGÀY XUẤT BẢN ISSUING DATE

2021

SỐ BẢN VẼ SHEET NUMBER

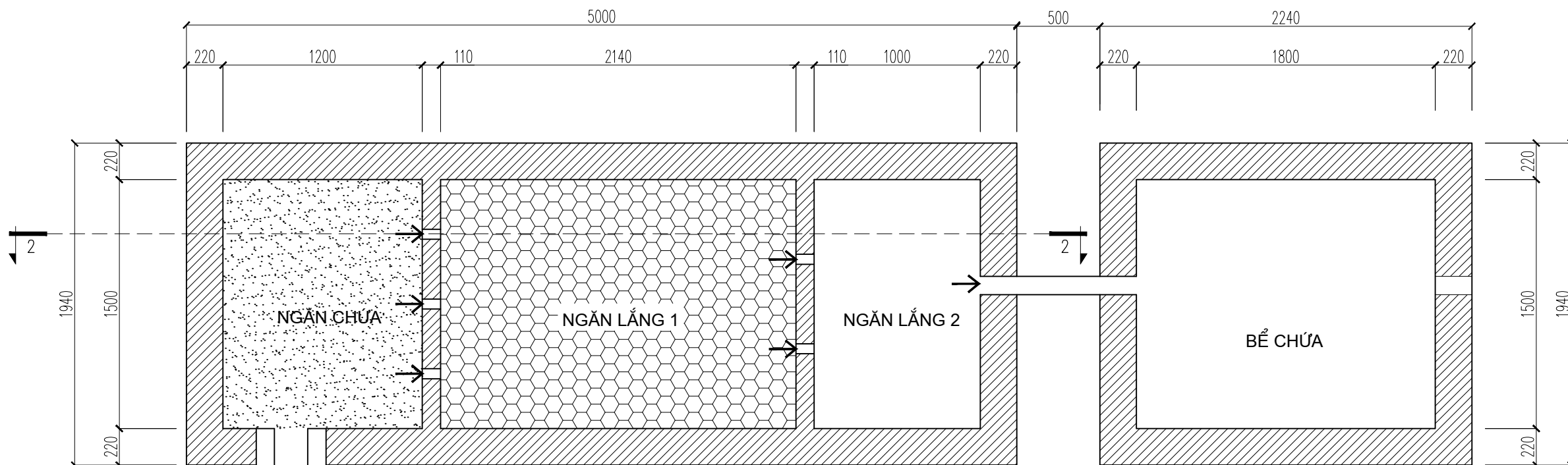
TMB-01

TÊN HỒ SƠ - SHEETSET:

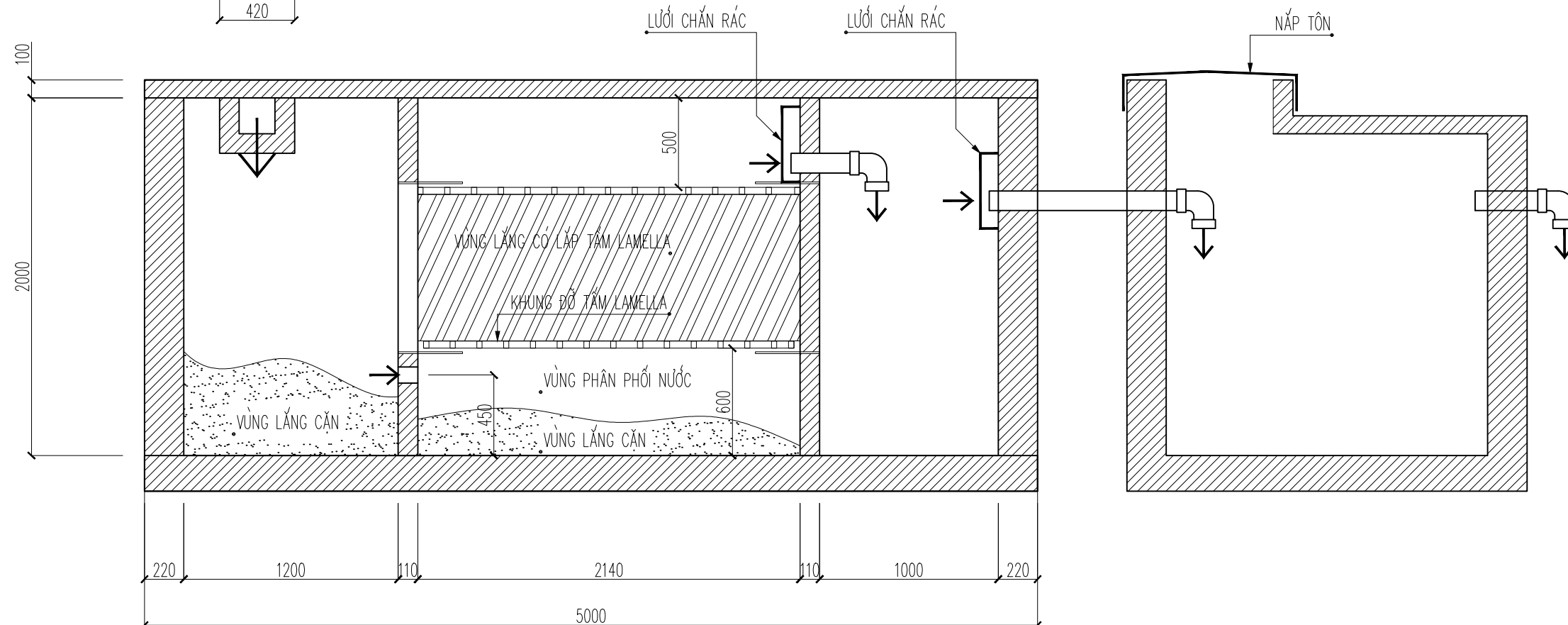
XPXD

MÃ HỒ SƠ LƯU - ARCHIVES CODE:

VDI

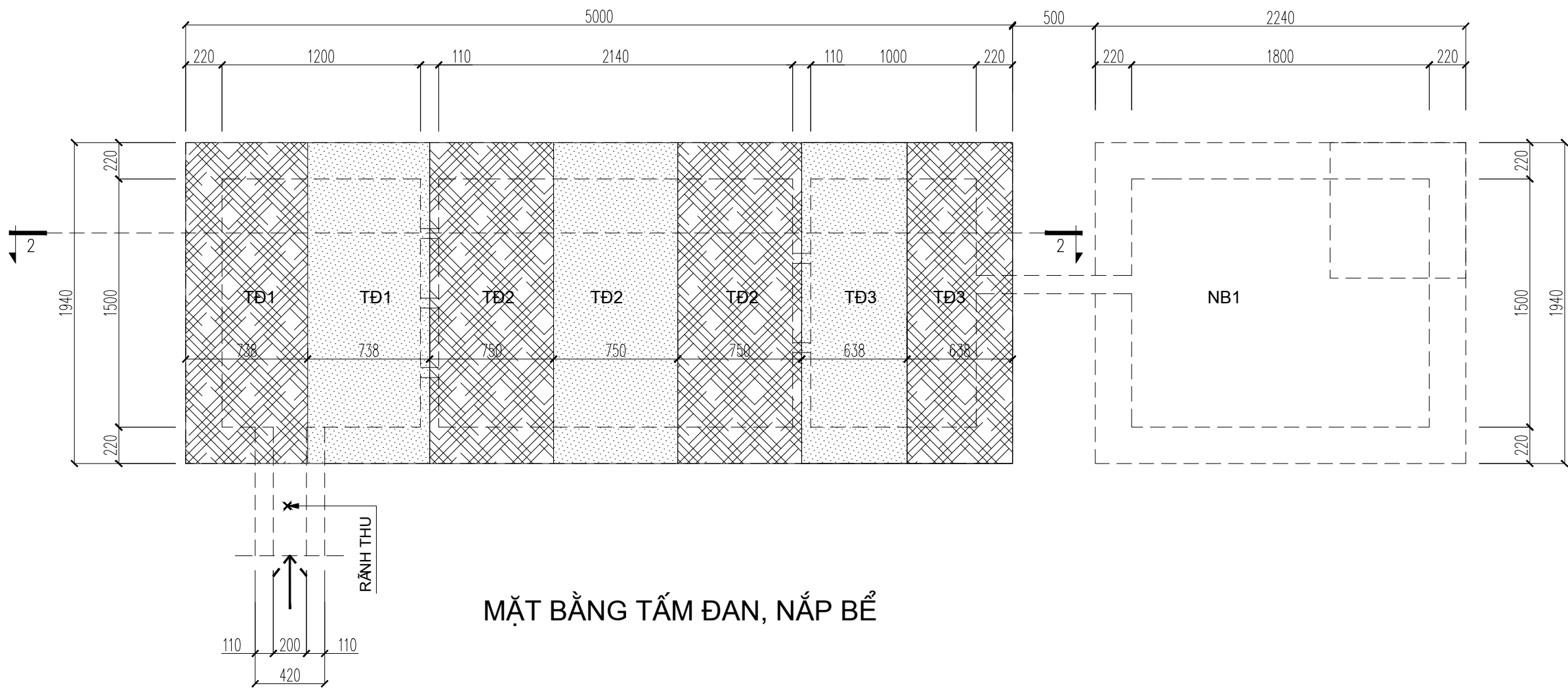


MẶT BẰNG BỂ LẮNG BỘT ĐÁ TUẦN HOÀN



MẶT CẮT 2-2

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ		
HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ:		
KÍ KẾT NGÀY	THÁNG	NĂM
NGÀY	HIỆU CHỈNH	
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T		
LÔ CNI-02A.6 (THUỘC LÔ CNI-02.1), KHU CÔNG NGHỆ CAO 1 - KHU CÔNG NGHỆ CAO HÓA LẠC, HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
TỔNG GIÁM ĐỐC:		
NHÀ THẦU:		
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA		
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà IRIS, số 66, phố Lộc, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội Hotline: 0966.111.255 / 0888.668.337		
GIÁM ĐỐC:		
ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG		
HẠNG MỤC:		
HỆ THỐNG BỂ LẮNG BỘT ĐÁ TUẦN HOÀN		
ĐỊA ĐIỂM:		
KHU CNC CAO HÓA LẠC, THẠCH THẮT, HÀ NỘI		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:		
NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ:		
TRẦN VĂN QUANG		
KIỂM TRA:		
NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ:		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG BỂ LẮNG BỘT ĐÁ TUẦN HOÀN		
TỈ LỆ:	KÍ HIỆU:	
	BLTH- 01	
HOÀN THÀNH:	01/2024	



MẶT BẰNG TẤM ĐẠN, NẮP BỂ

NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA BỂ LẮNG BỘT ĐÁ:

- QUÁ TRÌNH LẮNG CỦA BỂ LẮNG BỘT ĐÁ XẢY RA KHI NƯỚC CÓ LẦN BỘT ĐÁ CỦA CÁC QUÁ TRÌNH CẤT, GỌT ĐƯỢC ĐƯA TỪ RÃNH THU VÀO NGĂN CHỨA CỦA BỂ 1 PHẦN RỒI DỊCH CHUYỂN SANG VÙNG NGĂN LẮNG 01
- CÁC HẠT BỘT ĐÁ LỞ LÙNG NẶNG SẼ NẪM LẠI PHẦN LỚN Ở NGĂN CHỨA, 1 PHẦN KHI ĐƯỢC CHUYỂN QUA NGĂN LẮNG 1 TỰ ĐỘNG RƠI VÀO VÙNG CHỨA CẶN Ở PHÍA DƯỚI.
- NẾU TIẾP TỤC DI CHUYỂN LÊN TRÊN THEO HƯỚNG ĐẶT CÁC TẤM LAMELLA THÌ SẼ VA CHẠM VÀO NHAU TRÊN BỀ MẶT CÁC TẤM NÀY, KHI CÁC HẠT NÀY ĐỦ NẶNG VÀ THẮNG ĐƯỢC ĐỘNG LỰC CỦA DÒNG NƯỚC THÌ SẼ RƠI XUỐNG VÙNG LẮNG.
- SAU ĐÓ NƯỚC SẠCH SẼ ĐI QUA LƯỚI CHẮN RÁC, QUA ỐNG D110 VÀO NGĂN LẮNG 2
- NƯỚC SẠCH TIẾP TỤC ĐƯỢC CHUYỂN QUA TRỮ TẠI BỂ CHỨA QUA ỐNG D110 VÀ TÁI SỬ DỤNG TUẦN HOÀN.
- NƯỚC SẼ ĐƯỢC BÙ TẠI BỂ NÀY NẾU BỊ THẤT THOÁT TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ NẪM DƯỚI VẠCH CHUẨN ĐÃ ĐỊNH TRƯỚC TRONG BỂ
- ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG, TIẾN HÀNH VẾT BỘT ĐÁ TRONG BỂ, PHÔI KHÔ, VÀ ĐƯỢC ĐÓN VỊ THU GOM ĐỀM ĐI XỬ LÝ THEO QUY ĐỊNH.

HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ	
HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ:	
KÍ KẾT NGÀY	THÁNG NĂM
NGÀY	HIỆU CHỈNH
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU MỚI VÀ CÔNG NGHỆ CAO H.P.T	
LÔ CN1-02A.6 (THUỘC LÔ CN1-02.1), KHU CÔNG NGHỆ CAO 1 - KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC, HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
TỔNG GIÁM ĐỐC:	
NHÀ THẦU:	
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA	
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà IRIS, số 66, phố Lộc, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội Hotline: 0966.111.255 / 0888.668.337	
GIÁM ĐỐC:	
ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG BỂ LẮNG BỘT ĐÁ TUẦN HOÀN	
ĐỊA ĐIỂM:	
KHU CNC CAO HÒA LẠC, THẠCH THẮT, HÀ NỘI	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
NGUYỄN VĂN VINH	
THIẾT KẾ:	
TRẦN VĂN QUANG	
KIỂM TRA:	
NGUYỄN VĂN VINH	
QUẢN LÝ:	
PHẠM CÔNG TÔNG	
TÊN BẢN VẼ:	
TỈ LỆ:	KÍ HIỆU:
	BLTH- 02
HOÀN THÀNH:	01/2024